

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN: Cải tạo Petrolimex – Cửa hàng 102**

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ Dự án đầu tư:

CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NAM - CÔNG TY XĂNG DẦU HÀ NAM NINH

- Địa chỉ văn phòng: Phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ Dự án đầu tư:

Ông: Trương Văn Chiêu Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

- Điện thoại: 0226.3852852

- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh số 10833/22, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/10/2022

2. Tên Dự án đầu tư:

Cải tạo Petrolimex – Cửa hàng 102

- Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư: Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Theo quy định của Luật đầu tư công năm 2019: Dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp khác có tổng mức đầu tư dự kiến là 4 tỷ đồng, thuộc lĩnh vực nêu tại khoản 4 Điều 8. Căn cứ theo Khoản 3 Điều 10 - Tiêu chí phân loại dự án nhóm C: Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều 8 của Luật đầu tư công năm 2019 có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng.

Dự án thuộc đối tượng tại mục số 2 của Phụ lục V (dự án đầu tư nhóm III) Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Dự án đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

Theo khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhóm III thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường; Theo khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường dự án thuộc đối tượng cấp phép của UBND cấp huyện.

Như vậy, dự án phải lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường và trình UBND huyện Bình Lục phê duyệt, cấp giấy phép.

Khu vực Dự án đầu tư có quy mô diện tích là 345 m² gồm: Khu mái che cột bơm, phòng giao dịch cao 1 tầng, 04 cột bơm và 02 bể chứa xăng dầu loại 30 m³/bể, mỗi bể chứa được ngăn đôi. Ranh giới của dự án được giới hạn như sau:

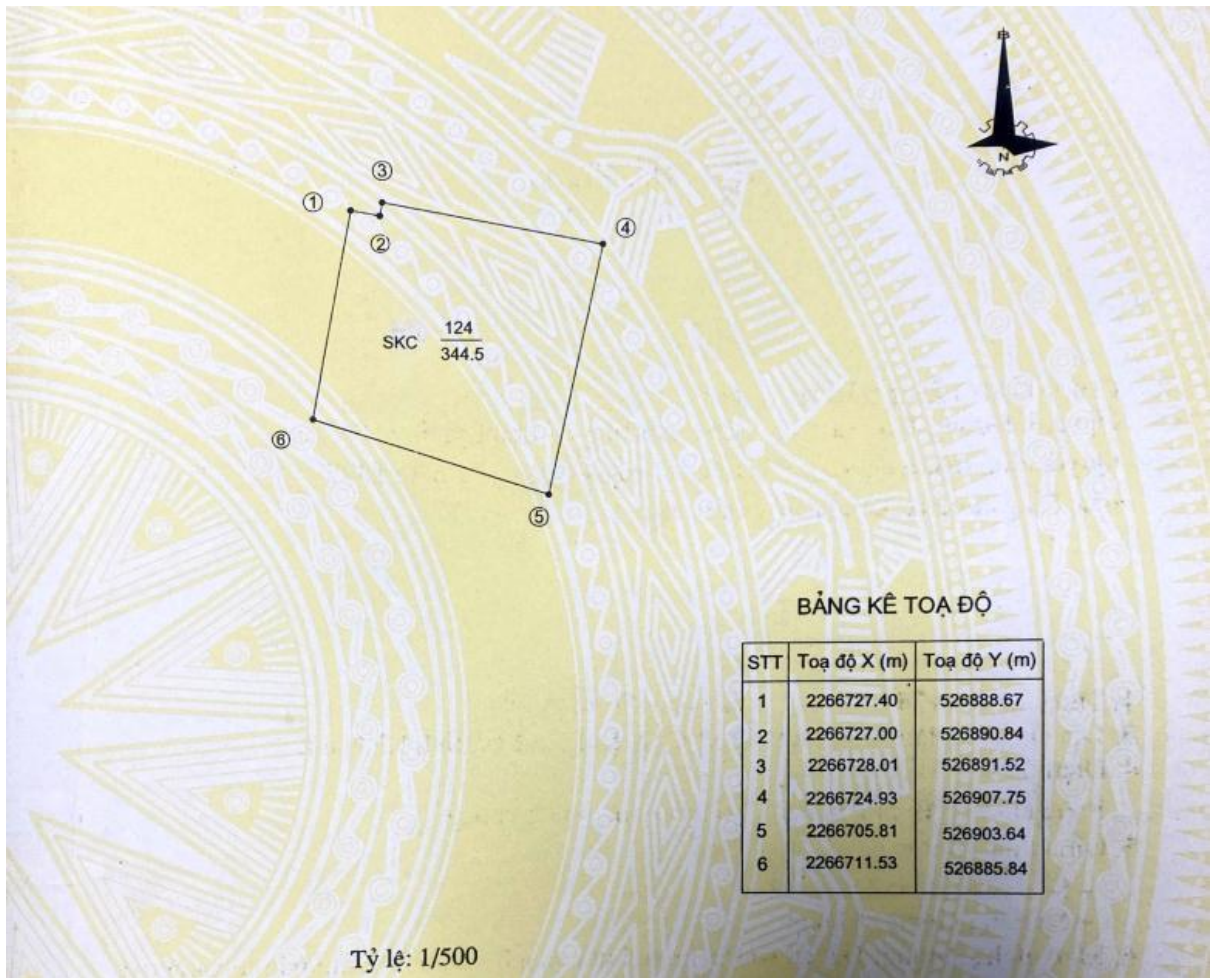
+ Phía Bắc: Giáp nhà dân

+ Phía Đông: Giáp đường nội thị

+ Phía Tây: Giáp nhà dân.

+ Phía Nam: Giáp Quốc lộ 21 A

+ Sơ đồ theo mốc giới quy hoạch:



Hình 1. Sơ đồ thửa đất cửa hàng 102



Hình 2. Vị trí khu vực cửa hàng 102 so với khu vực xung quanh

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Dự án đầu tư:

3.1. Công suất của Dự án đầu tư:

- Petrolimex – Cửa hàng 102 tồn chứa xăng dầu tại các bể chứa loại 15 m³ (bể 30 m³ ngăn đôi) và xuất bán các mặt hàng xăng dầu gồm: Xăng RON 95, xăng E5 RON 92 và dầu Diesel 0,05S, dầu Diesel 0,001S.

- Loại hình dự án: Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành có quy định về phân cấp cửa hàng xăng dầu theo dung tích chứa xăng dầu, với tổng sức chứa của cửa hàng 102 là: 60m³ với 02 bể chứa (02 bể loại 30 m³, mỗi bể được ngăn đôi), thì dự án Petrolimex– Cửa hàng 102 thuộc phân loại **Cửa hàng cấp 3** (tổng dung tích nhỏ hơn hoặc bằng 100 m³).

- Lắp mới 04 cột bơm xăng dầu điện tử, gồm: 2 cột bơm 02 vòi/cột và 02 cột bơm 01 vòi/cột, dự kiến được bố trí như sau:

- + 01 vòi bơm xăng E5 RON 92.
- + 02 vòi bơm bán xăng RON 95.
- + 02 vòi bơm bán dầu Diesel 0,05S.
- + 01 vòi bơm bán dầu Diesel 0,001S.

3.2. Công nghệ sản xuất của Dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của Dự án đầu tư:

- Quy trình bán hàng của Petrolimex– Cửa hàng 102:

Hình 3. Sơ đồ quy trình nhập, tồn chứa, xuất bán xăng dầu của Petrolimex– Cửa hàng 102



- Nhập: Xăng dầu nhập mua từ các kho xăng dầu thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (kho xăng dầu K135, kho xăng dầu Nam Định và các kho khác thuộc Tập đoàn), chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành được vận chuyển bằng xe ô tô xi téc về cửa hàng. Nhập xuống bể chứa bằng phương pháp tự chảy từ ô tô xi téc qua họng nhập kín Dy80 chảy vào bể chứa, mỗi loại xăng dầu và bể chứa dùng 01 họng nhập riêng. Họng nhập được bố trí trực tiếp trong hố van, đường hồi hơi Dy50 về ô tô xi téc được bố trí trong hố van họng nhập; đường van thở của bể được bố trí cao bên trên mái che cột bơm. Sử dụng các van chặn để thao tác hồi hơi và khi nhập hàng.

- Xuất: Máy bơm của cột bơm hút xăng dầu từ bể chứa ngầm cấp cho các phương tiện giao thông qua hệ thống tính đếm điện tử.

Petrolimex – Cửa hàng 102 chỉ kinh doanh bán mặt hàng xăng dầu, không kinh doanh các dịch vụ rửa xe.

3.3. Sản phẩm của Dự án đầu tư:

Dự án là cơ sở kinh doanh mặt hàng xăng dầu gồm: Xăng RON 95, xăng E5 RON 92 và dầu Đêzen 0,05S, dầu Đêzen 0,001S; không tiến hành sản xuất nên không đề cập đến sản phẩm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Dự án đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng Petrolimex – Cửa hàng 102, trước khi được thi công cải tạo, Chi nhánh lập hồ sơ thanh lý toàn bộ tài sản của cửa hàng. Khi nhà thầu mua vật tư thanh lý và tháo dỡ đã có Phương án an toàn PCCC và BVMT.

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu trong giai đoạn cải tạo:

Bảng 1. Khối lượng nguyên vật liệu thi công nâng quy mô Cửa hàng

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Đá 1x2	Tấn	397,8
2	Đinh	Tấn	0,003
3	Cát mịn	Tấn	1.084

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
4	Cát vàng	Tấn	258
5	Cốt pha thép	Tấn	3,724
6	Gỗ ván	Tấn	0,2
7	Thép tròn $D \geq 18\text{mm}$	Tấn	2,044
8	Gạch xây	Tấn	10,382
9	Thép tròn $D \leq 18\text{mm}$	Tấn	10,622
10	Sơn	Tấn	0,341
11	Xi măng	Tấn	88,329
	Tổng	Tấn	1.855,445

+ Số lượng công nhân trong giai đoạn xây dựng nâng công suất cửa hàng bình quân là 5 người/ngày. Theo TCXDVN 33:2006 nhu cầu sử dụng nước khoảng 80lít/người/ngày, thì tổng lượng nước sử dụng trong 1 ngày sẽ là:

$$5 \times 80 = 400 \text{ lít/ngày} = 0,4\text{m}^3/\text{ngày}$$

+ Quá trình cải tạo trên công trường có sử dụng nước cho các hoạt động xây dựng như: trộn vữa, bảo dưỡng bê tông, rửa máy móc thiết bị thi công, phun nước dập bụi. Tổng lưu lượng nước cấp cao nhất cho hoạt động xây dựng là $1,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Tổng lưu lượng nước cấp cao nhất trong giai đoạn xây dựng là:

$$0,4 + 1,7 = 2,1 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ Nhu cầu nhiên liệu trong giai đoạn cải tạo.

Trong giai đoạn cải tạo sẽ sử dụng nhiên liệu và năng lượng là điện và dầu điêzen.

Bảng 2. Nhu cầu nhiên liệu của Dự án trong giai đoạn cải tạo công trình

TT	Tên nhiên liệu	Khối lượng	Đơn vị
1	Dầu Điêzen	Khoảng 60	lít
2	Điện	Khoảng 500	kWh

+ Máy móc thiết bị sử dụng trong giai đoạn cải tạo gồm các loại máy: trộn vữa xây; máy hàn, máy cắt, máy khoan.

4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu trong giai đoạn hoạt động:

a) *Nhu cầu sử dụng nguyên liệu:*

Nguyên liệu chính sử dụng là xăng, dầu. Nguyên liệu nhập vào được xuất bán trực tiếp cho người tiêu dùng, nhu cầu nguyên liệu hàng tháng bằng sản lượng bán ra.

Hiện tại, nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Petrolimex – Cửa hàng 102 là 150 m³ xăng, dầu/tháng. Trong đó: Xăng E5 RON 92 (30 m³/tháng); Xăng RON 95 (80 m³/tháng) và dầu Diesel (40 m³/tháng).

Sau khi nâng quy mô, nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Petrolimex – Cửa hàng 102 là 200 m³ xăng, dầu/tháng. **Dự kiến trong đó:** Xăng E5 RON 92 (40 m³/tháng), Xăng RON 95 (100 m³/tháng) và dầu Diesel (60 m³/tháng). Sử dụng các cột bơm xăng dầu gồm **(mỗi vòi bơm có đường hút riêng biệt từ bể chứa xăng dầu ngầm):**

- + 01 vòi bơm xăng E5 RON 92.
- + 02 vòi bơm bán xăng RON 95.
- + 02 vòi bơm bán dầu Diesel 0,05S.
- + 01 vòi bơm bán dầu Diesel 0,001S.

b) Nhu cầu sử dụng điện

Điện là dạng năng lượng chủ yếu và quan trọng được sử dụng để phục vụ cho nhu cầu hoạt động của trạm cấp phát xăng dầu. Hầu hết các hoạt động của trạm đều sử dụng điện nên lượng điện tiêu thụ hàng tháng khá lớn. Petrolimex – Cửa hàng 102 sử dụng hệ thống cấp điện của thị trấn. Đường cấp điện trong cửa hàng dùng cáp và thiết bị theo tiêu chuẩn, đảm bảo an toàn về điện và phòng cháy chữa cháy. Các khu vực nguy hiểm cháy nổ đều sử dụng các thiết bị phòng cháy nổ. Hệ thống thu lôi, tiếp địa chống tĩnh điện được thiết kế, lắp đặt theo quy phạm an toàn PCCC.

Lượng điện tiêu thụ hàng tháng khoảng 900 kWh/tháng.

c. Nhu cầu sử dụng nước

- Nước cung cấp cho Petrolimex – Cửa hàng 102 được lấy từ mạng lưới nước cấp của thị trấn. Nhu cầu sử dụng nước chủ yếu cho sinh hoạt; phun chống bụi và vệ sinh nền bãi khoảng 0,5 m³/ngày đêm.

- Sau khi hoàn thành việc nâng quy mô công suất, Petrolimex – Cửa hàng 102 có khoảng 5 cán bộ, nhân viên làm việc thay ca (thường trực chỉ có 02 nhân viên bán hàng). Theo tiêu chuẩn cấp nước, nhu cầu sử dụng nước của công nhân là 80 lít/người/ngày đêm (theo TCXDVN 33:2006/BXD), nhu cầu sử dụng nước phục vụ cho sinh hoạt của cửa hàng là:

$$2 \times 80 = 160 \text{ (lít/ngày.đêm)} = 0,16 \text{ (m}^3\text{/ngày đêm)}$$

- Nước khách hàng sử dụng không đáng kể vì cửa hàng không có trạm dừng nghỉ.

- Nước cho việc súc rửa bồn bể, đường ống: Petrolimex – Cửa hàng 102 cũng như toàn bộ hệ thống cửa hàng xăng dầu của Chi nhánh xăng dầu Hà Nam trên địa bàn tỉnh Hà Nam không có hoạt động súc rửa bể chứa, vì vậy không có nước súc rửa bể thải ra môi trường khu vực.

5. Các thông tin khác liên quan đến Dự án đầu tư:

5.1. Các hạng mục công trình phụ trợ:

Tổng diện tích khu đất của cửa hàng là 344,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cửa hàng hiện tại cũng như sau cải tạo phải tiến hành làm đường bãi bê

tổng khu vực lưu không đường quốc lộ để phương tiện vào mua xăng dầu, vì vậy tổng diện tích mặt bằng công trình luôn luôn lớn hơn tổng diện tích đất thuê.

Bảng 3. Các hạng mục công trình phụ trợ của Petrolimex- cửa hàng 102

TT	Công trình hiện trạng	Công trình sau cải tạo	Ghi chú
1	Đường bãi bê tông đá 1x2, mác 250#, dày 200mm	296,3 m ²	
2	Nhà vệ sinh 01 cái (14 m ²)	03 cái (liền khối với nhà bán hàng)	
3	Văn phòng giao dịch và bán hàng (47 m ²)	127,6 m ²	
4	Hệ thống chống sét, tiếp địa đảm bảo QCVN 01:2013/BCT	Hệ thống chống sét, tiếp địa đảm bảo QCVN 01:2013/BCT	
5	Mái che cột bơm (80 m ²)	150 m ²	
6	Cụm bể chôn ngầm 03 bể (50 m ³)	02 bể (60 m ³)	
7	Cụm họng nhập kín 01 cụm	01 cụm	
8	Bể nước, bể cát 01 bể	01 bể	
9		Nền khu bể bê tông chịu lực 44,85 m ²	
10	Bể lắng dầu 01 bể	01 bể	
11	Rãnh thu nước nhiễm dầu	19,2 m ²	
12	Hồ ga 01 cái	01 cái	
13		Bể nước ngầm 3 m ³ dưới nền nhà bán hàng 01 bể	

5.2 Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

Bảng 4. Công trình xử lý chất thải vào bảo vệ môi trường hiện trạng và sau cải tạo

TT	Công trình hiện trạng	Công trình sau cải tạo	Ghi chú
1	01 Bể tự hoại	01 Bể tự hoại 3 m ³	
2	01 Bể lắng gạn dầu	01 Bể lắng gạn dầu	
3	Kho chứa CTNH diện tích 2 m ²	Kho chứa CTNH diện tích 4 m ²	

Bảng 5. Các công trình phục vụ ứng phó sự cố tràn dầu

TT	Công trình phục vụ UPSC	Chức năng	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hố ga cổ bể	Kiểm soát lượng dầu tràn ra khỏi bể	Vật liệu: BTCT Kích thước: 1m x 1m x 1m	04 hố ga
2	Hố ga họng nhập	Chứa dầu tràn trong quá trình nhập hàng	Vật liệu: BTCT Kích thước: 1,4m x 0,7m x 0,45m	01 hố ga
3	Van thở, đường ống van thở	Đẩy hơi xăng dầu từ bể chứa thoát ra ngoài khi chênh lệch áp suất đủ lớn trong bể và ngoài không khí	Van thở có kết cấu hình vòm, thân vỏ được đúc bằng hợp kim nhôm, với một lưới ngăn chặn lửa bằng đồng. Đường ống van thở tráng kẽm đặt cao 6 m có đường kính D60 mm, dày 3,6 ly	04 cái 04 ống
4	Gioăng cao su	Làm kín, giảm ma sát	Gioăng cao su chịu dầu	12 cái

Bảng 6. Các thiết bị phòng chống cháy nổ, PCCC của cửa hàng

TT	Tên hạng mục	Bình bột MFZT-35	Bình bột MFZ-8	Bình CO ₂ MT5	Bể nước, bể cát 500 lít	Xô tôn 15 lít	Xăng	Chăn dạ (2x1,5)m	Biển báo tiêu lệnh
1	Khu bể chứa ngầm, nhập hàng	2	4		2	2	2	1	1
2	Cột bơm xăng dầu		8	1				16	8
3	Nhà bán hàng		4					4	3
Tổng cộng		2	16	1	2	2	2	21	12

5.3 Giải pháp thiết kế hệ thống thoát nước của công trình bao gồm:

+ Hệ thống thoát nước thải nhiễm xăng dầu: Nước thải nền bãi khu vực có khả năng nhiễm bẩn xăng dầu.

+ Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt: Gồm thoát nước rửa, thoát nước xí, tiêu.

+ Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa từ mái nhà, sân bãi không bị nhiễm xăng dầu.

a. Hệ thống thoát nước thải nhiễm xăng dầu: Tại vị trí mái che cột bơm bố trí rãnh thu gom vào hệ thống riêng chảy vào bể lắng gạn dầu, được xử lý váng dầu trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung.

b. Hệ thống thoát nước sinh hoạt:

- Thoát nước rửa: gồm nước từ các chậu rửa, tắm, nước từ các sàn khu WC và khu nhà bếp thu gom vào các ống đứng thoát nước rửa kèm theo ống đứng thông hơi đặt trong các hộp kỹ thuật, được chảy vào các hố ga của hệ thống thoát nước chung dẫn vào hệ thống thoát nước cửa hàng.

- Hệ thống thoát nước xí, tiêu: Thoát nước xí tiêu treo được thu gom vào các ống đứng thoát nước xí kèm theo ống đứng thông hơi đặt trong hộp kỹ thuật chảy vào hệ thống xử lý sơ bộ. Để xử lý nước thải xí, tiêu dùng hệ thống bể tự hoại. Đây là bể có chức năng lắng cặn và phân hủy cặn trong môi trường yếm khí. Bể tự hoại có dung tích đủ lớn để phân hủy cặn trong khoảng thời gian 0,5 năm, được hút cặn định kỳ 01 lần/năm. Nước thải vệ sinh sau khi được xử lý qua bể tự hoại đạt tiêu chuẩn được xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa: Gồm nước mưa thu gom trên mái nhà được thu gom vào ống đứng thoát nước mưa đặt xung quanh công trình, sau đó đổ vào các hố ga của hệ thống thoát nước chung và đổ trực tiếp vào hệ thống thoát nước khu vực.

5.4. Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện Dự án:

Khu vực nghiên cứu thuộc chế độ khí hậu tỉnh Hà Nam là khí hậu cận nhiệt đới ẩm. Cụ thể một năm có hai mùa rõ rệt là mùa nóng và mùa lạnh.

Mùa nóng bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, hướng gió chủ đạo là gió Đông Nam. Nhiệt độ trung bình khoảng 29,4-31,7°C. Mùa nóng đồng thời cũng là mùa mưa, tập trung từ tháng 7 đến tháng 9.

Mùa lạnh bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3. Hướng gió chủ đạo là gió Đông Bắc, thời tiết lạnh, hanh khô. Nhiệt độ trung bình mùa này 15,3-24°C.

Lượng mưa trung bình trong năm khoảng 2.107 mm.

Bão thường xuất hiện vào tháng 7 đến tháng 9 hàng năm, cấp gió mạnh từ cấp 8 đến cấp 10 và đôi khi lên tới cấp 12.

❖ Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng đến sự lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất và nguồn nước. Nhiệt độ không khí càng cao thì tác động của các yếu tố càng mạnh, tốc độ lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong môi trường càng lớn. Nhiệt độ trung bình năm tại khu vực dự án đạt xấp xỉ 24,6°C -25,3°C.

Kết quả theo dõi thay đổi nhiệt độ tại khu vực dự án từ năm 2017 - 2022 được thể hiện qua bảng:

Bảng 7. Nhiệt độ trung bình tháng năm 2017-2022

(Đơn vị: °C)

Tháng Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Trung bình
2017	19,2	19,6	21,4	24,5	27,3	30,1	29,0	29,4	28,9	25,4	22,2	17,1	24,6
2018	17,7	17,1	22,1	23,7	28,7	30,5	29,3	28,6	28,4	25,6	23,8	19,4	24,6
2019	17,9	22,1	22,1	26,0	27,6	31,5	30,9	29,3	28,6	25,9	22,7	19,1	25,3
2020	19,5	19,6	22,8	22,0	29,3	31,8	30,9	28,8	28,8	24,2	23,3	18,2	24,9
2021	16,3	20,7	22,3	25,4	29,3	31,1	30,2	30,2	28,0	24,1	22,0	18,6	24,9
2022	18,1	19,8	22,1	24,3	28,4	31,0	30,0	28,5	28,4	25,1	22,8	18,5	24,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nam, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hà Nam)

❖ Độ ẩm không khí

Độ ẩm tương đối trung bình năm đạt 81,0% - 83% tương đối cao. Độ ẩm càng lớn tạo điều kiện vi sinh vật từ mặt đất phát tán vào không khí phát triển nhanh chóng, lan truyền trong không khí và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gây ô nhiễm môi trường. Các giá trị độ ẩm tương đối trung bình tháng từ năm 2017 đến năm 2022

được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 8. Độ ẩm tương đối trung bình tháng từ 2017 - 2022

(Đơn vị: %)

Tháng Năm	Tháng												Trung bình
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2017	84	74	88	85	82	79	84	84	85	82	76	76	82
2018	85	79	85	96	82	75	83	87	81	81	81	85	83
2019	87	87	88	88	86	76	76	83	77	83	80	77	82
2020	84	86	89	87	81	73	78	86	84	78	76	74	81
2021	73	82	89	89	83	74	80	81	86	84	74	71	81
2022	83	82	88	89	82	75	80	80	82	79	77	77	81

(Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nam, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hà Nam)

❖ *Năng và bức xạ*

Thống kê về năng tại Hà Nam từ năm 2017 - 2022 được thể hiện trong bảng:

Bảng 9. Tổng số giờ nắng năm 2017 - 2022

(Đơn vị: giờ)

Tháng Năm	Tháng												Trung bình
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2017	42,2	78,9	26,0	96,8	155,2	140,1	177,4	116,5	146,8	101,7	614,4	68,8	147,08
2018	28,2	40,5	94,1	70,3	229,5	165,3	134,7	117,7	159,6	150,4	135,8	97,2	118,6
2019	24,7	80,2	36,9	99,0	107,2	175,9	150,3	144,5	191,7	130,7	126,0	130,4	116,5
2020	60,7	56,1	38,0	50,5	174,4	238,2	215,9	148,2	132,0	88,4	112,1	87,1	116,2
2021	67,3	86,6	151,1	55,7	215,5	188,9	219,0	162,6	142,6	91,0	122,4	110,1	134,4
2022	60,9	80,7	138,2	56,3	210,4	190,7	208,3	152,4	140,2	80,1	100,4	96,3	105,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nam, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hà Nam)

❖ *Tốc độ gió và hướng gió*

Gió là yếu tố quan trọng nhất tác động lên quá trình lan truyền các chất ô nhiễm. Tốc độ gió càng cao thì chất ô nhiễm được vận chuyển đi càng xa và nồng độ chất ô nhiễm càng nhỏ do khí thải được pha loãng với khí sạch. Tốc độ gió nhỏ hoặc

gió lạng thì chất ô nhiễm sẽ tập trung ngay tại khu vực gần nguồn thải.

Hướng gió chủ đạo tại khu vực thực hiện dự án trong năm là: Về mùa đông gió thường thổi tập trung từ 2 hướng: Bắc – Đông Bắc và Đông – Đông Nam. Mùa hạ gió thường thổi từ Nam – Đông Nam.

❖ *Lượng mưa và lượng bốc hơi*

Mưa có tác dụng làm sạch môi trường không khí và pha loãng chất thải lỏng. Lượng mưa càng lớn thì mức độ ô nhiễm càng giảm. Vì vậy, vào mùa mưa mức độ ô nhiễm thấp hơn mùa khô. Lượng mưa trung bình tháng từ năm 2017 đến năm 2022 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 10. Lượng mưa các tháng năm 2017 - 2022 (mm)

Tháng Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2017	114,9	14,3	80,9	95,0	97,0	165,7	494,4	273,5	262,9	658,1	18,3	41,9
2018	34,1	11,8	25,4	125,2	277,7	54,5	844,3	549,7	74,7	210,9	95,5	93,9
2019	33,6	26,5	30,6	136,6	255,8	158,8	139,8	625,6	249,5	194,2	87,3	19,4
2020	162,1	41,2	133,9	100,9	62,2	39,6	175,4	387,8	216,7	343,1	70,8	11,3
2021	6,4	56,2	40,7	146,2	149,9	193,0	303,4	209,7	575,7	422,9	11,4	4,5
2022	70,2	30,0	62,2	119,8	168,5	122,3	391,2	409,3	275,9	365,9	56,6	34,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nam, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hà Nam)

❖ *Một số hiện tượng thời tiết đặc biệt trong những năm gần đây*

Dự án nằm trong tỉnh Hà Nam nên chịu tác động của thời tiết chung của Hà Nam. Trong những năm gần đây, Hà Nam chịu tác động của những hiện tượng thời tiết đặc biệt sau:

- Sương muối và băng giá: Đã xảy ra trên hầu khắp các vùng núi một số khu vực thuộc phía tây Hà Nam, tập trung vào 3 tháng mùa đông nhưng xác suất không lớn, khoảng 5 - 10 năm mới xảy ra 1 lần.

- Đông sét, lốc xoáy: Hệ quả khí tượng gắn với hiện tượng đông là sét, lốc xoáy, mưa cường độ lớn, mưa đá. Hàng năm ở Bắc Bộ có khoảng 40 - 70 ngày dông, trong đó các vùng ở vùng ở sâu trong nội địa: 60 - 70 ngày. Thời kỳ xuất hiện dông nhiều (mùa đông) tập trung vào các tháng 4 đến tháng 9 sớm hơn mùa mưa khoảng 1 tháng trong đó cao điểm cũng tập trung vào tháng 7 và 8.

- Hiện tượng nắng nóng bất thường: Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Trung ương ghi nhận, với 3 đợt nắng nóng gay gắt từ tháng 5/2015 đến tháng 7/2015 đã khiến nền nhiệt tại nhiều nơi thuộc Bắc Bộ, trong đó có Hà Nam và ven biển Trung Bộ vượt giá trị lịch sử. Tại Hà Nam, nhiệt độ cao nhất từ trước đến nay là 39,6°C vào ngày 16/5/2013 đã bị phá vỡ vào ngày 28/5/2015 với mức nhiệt lên tới 40°C.

- Năm 2016, Hà Nam trải qua mùa đông khác thường khi nhiệt độ trung bình nửa đầu tháng 12 cao nhất cùng kỳ trong 10 năm qua. Những đợt không khí lạnh không đủ mạnh để nhiệt độ giảm sâu. Nhiệt độ Hà Nam trong ngày 17/11 lên tới 34°C - mức cao kỷ lục của mùa đông. Nguyên nhân là do nước ta chịu ảnh hưởng của El Nino (nóng) cực đại. Hiện tượng El Nino kéo dài năm 2015-2016 còn cao hơn cả mức trong lịch sử năm 1997-1998 nên thời tiết có nhiều diễn biến bất thường trong những tháng cuối năm.

- Mưa bão: Trong khoảng mùa nóng (từ tháng 8 đến tháng 10), có một số đợt áp thấp nhiệt đới và bão hình thành ngoài khơi Philipin đi vào biển Đông đổ bộ lên châu thổ Bắc Bộ di chuyển sang phía Tây gây ra mưa lớn, gió mạnh.

Trong năm 2016, có 2 cơn bão (số 1 và số 3) đã đổ bộ vào khu vực đồng bằng Bắc bộ, trong đó cơn bão số 1 có hướng di chuyển phức tạp, khi vào gần bờ tiếp tục mạnh thêm, di chuyển chậm lại và thời gian duy trì gió mạnh, lốc xoáy kéo dài, kèm theo mưa lớn trên diện rộng.

- Sương mù, mưa phùn: Sương mù xuất hiện trong vùng tập trung chủ yếu vào thời kỳ mùa đông và rất khác thường giữa các khu vực.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án: “Đầu tư cải tạo Petrolimex – Cửa hàng 102” đảm bảo phù hợp theo quy hoạch xây dựng cửa hàng xăng dầu.

- Phù hợp với chủ trương quy hoạch phát triển mạng lưới Cửa hàng xăng dầu. Dự án được chính quyền và nhân dân địa phương ủng hộ.

- Phù hợp với định hướng phát triển của Huyện và phù hợp với Quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Bình Lục.

- Trong quá trình vận hành của Dự án, chủ Dự án đảm bảo thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các thủ tục pháp lý về môi trường.

* Phù hợp với các văn bản pháp lý liên quan đến Dự án:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện PCC của Phòng Cảnh sát PCCC – Công an tỉnh Hà Nam.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất AN 935921; Quyết định cho thuê đất được cấp theo quyết định số 498/QĐ-UB ngày 24/4/2009 “V/v chuyển từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất cho Chi nhánh xăng dầu Hà Nam, tại địa bàn thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục” của UBND tỉnh Hà Nam; Hợp đồng thuê đất số 45/HĐTĐ ngày 10, tháng 8 năm 2009 giữa UBND tỉnh Hà Nam với Chi nhánh xăng dầu Hà Nam.

- Phiếu xác nhận Bản kê khai các hoạt động sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng đến môi trường số 12/K.C.M ngày 28 tháng 3 năm 2001 của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nam.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 110/GCNĐĐK-SCT do Sở Công thương Hà Nam cấp ngày 10/11/2020, có giá trị đến 10/11/2025.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam cấp, Mã số QLCTNH: 35.000280 (cấp lại lần 3 năm 2015).

2. Sự phù hợp của Dự án đầu tư đối với khả năng, chịu tải của môi trường:

Môi trường hiện trạng theo số liệu đo đạc có chất lượng môi trường tương đối tốt, các chỉ số môi trường không khí nơi cửa hàng phát thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn, môi trường vẫn còn khả năng tiếp nhận Dự án.

Khu vực Dự án không có các loài động thực vật quý hiếm, trong khu vực Dự án không có các đối tượng di tích lịch sử, đối tượng nhạy cảm nào.

Vì vậy, việc thực hiện Dự án hoàn toàn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và khả năng chịu tải môi trường.

Từ các số liệu kết quả môi trường nền khu vực thực hiện Dự án, có thể kết luận môi trường hiện tại vẫn đảm bảo chất lượng tốt, các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép về môi trường không khí, nước thải của dự án trước khi cải tạo. Việc

thực hiện triển khai Dự án đảm bảo tiếp nhận và không ảnh hưởng tới việc thi công xây dựng và giai đoạn vận hành Dự án.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

Khu vực phạm vi Dự án phần lớn tiếp giáp với đường nội bộ và Quốc lộ 21A đã được rào tôn xung quanh khi xây dựng, cải tạo, một phần nhỏ chiều dài phía Bắc và Tây giáp nhà dân. Môi trường tự nhiên không bị ô nhiễm, chất lượng đất, không khí đều đảm bảo cho sinh hoạt và làm việc.

Hiện tại khu vực đang được đầu tư quy hoạch hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Hệ thực vật, thủy sinh vật:

- Thủy sinh vật: Khu vực dự án không có ao hồ, thủy sinh vật.

- Thực vật: Tại khu vực thực hiện Dự án chỉ có cây xanh đô thị tạo bóng mát.

Nhìn chung hệ sinh thái tại khu vực Dự án khá đơn giản, tại khu vực thực hiện Dự án không có loài động – thực vật quý hiếm cần bảo tồn hay giữ nguyên hiện trạng. Do vậy khi thực hiện Dự án không làm thay đổi và tác động đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật của khu vực.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của Dự án:

Nước thải sau khi xử lý tại bể tự hoại được xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Như vậy, nước thải sau khi xử lý đảm bảo đáp ứng QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu. Cột B: Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu đầu nối xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện Dự án:

Trong quá trình thực hiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, chủ Dự án cùng đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần quan trắc kỹ thuật môi trường (địa chỉ: số 10A, ngõ 52, đường Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) tiến hành khảo sát, lấy mẫu, phân tích đánh giá chất lượng hiện trạng môi trường (quan trắc môi trường nước thải sau xử lý, môi trường khí khu vực phát thải các ngày 09, 10, 11 tháng 10 năm 2023; có kết quả phân tích mẫu quan trắc kèm theo), đơn vị lấy mẫu là đơn vị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 297 theo Giấy chứng nhận số 610/QĐ-BTNMT ngày 30/3/2022.

Địa điểm quan trắc: Petrolimex – Cửa hàng 102, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Điều kiện thời tiết: Bình thường, không mưa.

Các kết quả đo tại các đợt lấy mẫu này được coi là số liệu nền, làm cơ sở cho việc đánh giá các tác động môi trường.

Cơ sở cơ sở lựa chọn các điểm quan trắc môi trường nền: Các vị trí lấy mẫu đại

diện cho khu vực môi trường nền có khả năng bị ảnh hưởng bởi giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành của Dự án. Kết quả phân tích chất lượng nước thải và khí thải được trình bày qua bảng sau:

Bảng 11. Kết quả chất lượng nước thải

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/ BTNMT (cột B)
				NT	Cột A
Ngày lấy mẫu quan trắc: 09/10/2023; thời gian thử nghiệm: 09/10/2023 – 14/10/2023					
1	pH	TCVN 6492:2011		8,07	6 – 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	36	50
3	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2023	mg/L	46,1	50
4	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW5520B&F:2017	mg/L	3,8	5
Ngày lấy mẫu quan trắc: 10/10/2023; thời gian thử nghiệm: 10/10/2023 – 15/10/2023					
1	pH	TCVN 6492:2011		8,17	6 – 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	39	50
3	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2023	mg/L	48,3	50
4	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW5520B&F:2017	mg/L	4,1	5
Ngày lấy mẫu quan trắc: 11/10/2023; thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 – 16/10/2023					
1	pH	TCVN 6492:2011		8,15	6 – 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	32	50
3	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2023	mg/L	47,3	50
4	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW5520B&F:2017	mg/L	3,3	5

Nguồn: Công ty cổ phần quan trắc và kỹ thuật môi trường.

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: X: 2266851; Y: 604965
- NT: Nước thải sau xử lý.
- QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu
- Cột A: Quy định giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi thải vào các nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Bảng 12. Kết quả phân tích chất lượng khí thải

Stt	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/ BYT
Ngày lấy mẫu quan trắc: 09/10/2023; thời gian thử nghiệm: 09/10/2023 – 16/10/2023					
1	Bụi tổng số	TCVN 5067:1995	mg/m ³	0,170	8 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn tương đương	TCVN 7878-2:2010	dBA	68,3	85 ⁽²⁾
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,064	5
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,043	5
5	CxHy	NIOHS Method 1500	mg/m ³	KPH	900 ⁽³⁾
Ngày lấy mẫu quan trắc: 10/10/2023; thời gian thử nghiệm: 10/10/2023 – 17/10/2023					
1	Bụi tổng số	TCVN 5067:1995	mg/m ³	0,158	8 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn tương đương	TCVN 7878-2:2010	dBA	70,5	85 ⁽²⁾
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,060	5
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,039	5
5	CxHy	NIOHS Method 1500	mg/m ³	KPH	900 ⁽³⁾
Ngày lấy mẫu quan trắc: 10/10/2023; thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 – 18/10/2023					
1	Bụi tổng số	TCVN 5067:1995	mg/m ³	0,187	8 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn tương đương	TCVN 7878-2:2010	dBA	67,1	85 ⁽²⁾
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,069	5
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,048	5
5	CxHy	NIOHS Method 1500	mg/m ³	KPH	900 ⁽³⁾

Nguồn: Công ty cổ phần quan trắc và kỹ thuật môi trường.

Ghi chú:

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

(1): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.

(2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

(3): QĐ 3733/2002/QĐ – BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động – Giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc.

- Vị trí lấy mẫu: X: 2266838; Y: 604957

- KT: Khu vực phát thải (cột bom xăng dầu).

Nhận xét: Toàn bộ các thông số quan trắc, phân tích môi trường về nước thải, khí thải của Dự án đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép, vì vậy chất lượng môi trường hiện trạng khu vực Dự án hoàn toàn phù hợp với việc thực hiện triển khai Dự án.

Khu vực Dự án không có các loài động thực vật quý hiếm, trong khu vực Dự án không có các đối tượng di tích lịch sử, đối tượng nhạy cảm nào.

Từ các số liệu kết quả môi trường nền khu vực thực hiện Dự án đang hoạt động trước khi cải tạo, có thể kết luận môi trường hiện tại vẫn đảm bảo chất lượng tốt, các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép về môi trường không khí, môi trường đất, nước mặt. Việc thực hiện triển khai Dự án đảm bảo tiếp nhận và không ảnh

hướng tới việc thi công xây dựng và giai đoạn vận hành Dự án.

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công cải tạo Dự án:

Các tác động do hoạt động thi công cải tạo có thể gây ra:

- Tác động đến môi trường không khí:

+ Bụi: Do các hoạt động san ủi, lu đầm mặt bằng, đào đất, đắp nền, vận chuyển nguyên vật liệu... Bụi bị cuốn lên từ đường giao thông do phương tiện, gió thổi qua bãi chứa vật liệu xây dựng như xi măng, đất cát...

+ Khí thải của các phương tiện vận tải, máy móc thi công, thảm nhựa atphan đường bãi... chứa bụi, các khí: SO₂, CO₂, CO, NO_x, khói xăng dầu.

Theo số liệu môi trường không khí hiện trạng đo được (theo kết quả quan trắc) các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép, theo dự báo thì khi triển khai thi công Dự án thì chất lượng môi trường không khí sẽ thay đổi theo xu hướng tiêu cực.

- Tác động đến môi trường nước:

+ Mọi sự hoạt động của quá trình thi công trên công trường có thể nói đều có thể trực tiếp hay gián tiếp tác động tới môi trường nước. Vấn đề quan tâm trước tiên là tránh xả trực tiếp chất thải vào nguồn nước.

+ Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo lớp bùn đất và các vật chất rắn trên bề mặt mà nó đi qua. Qua đó, sẽ làm tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước, nước sẽ có độ đục cao.

Nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án có thể cuốn trôi vật liệu san nền, rác thải, dầu mỡ thải và các chất thải khác trên mặt đất nơi chúng chảy qua gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước, gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Lượng chất bản tích tụ có thể gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước, gây ngập úng cục bộ tại khu vực Dự án.

Ngoài ra do quá trình đào đắp, san ủi, các hạt đất bị mất liên kết và có kích thước nhỏ hơn, kết hợp với lớp bụi lắng đọng lại trên bề mặt tạo thành một lớp bờ rời. Khi nước mưa chảy tràn qua sẽ làm nhào lớp đất bề mặt trên công trường, kết hợp với sự tác động của công nhân, các phương tiện đi lại sẽ gây ra hiện tượng lầy lội, ảnh hưởng đến công tác thi công.

+ Các hoạt động thi công làm xáo động mặt đất, biến đổi địa hình, việc đào đắp làm rãnh, tạo các taluy đều trực tiếp làm biến đổi chế độ dòng chảy và chất lượng nước.

- Tác động do chất thải rắn:

+ Dự án cải tạo cửa hàng nên một lượng lớn chất thải rắn được sinh ra: Vật liệu xây dựng cũ bị thải bỏ: gạch ngói, đất cát, phế liệu sắt thép... Những nguồn này nếu không được thu gom, xử lý mà thải bừa bãi ra xung quanh sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường, làm mất cảnh quan khu vực.

+ Ngoài ra nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn chứa đất cát, bùn thải, dầu mỡ nếu chảy trực tiếp xuống đất làm suy giảm chất lượng đất.

+ Nhìn chung tác động của Dự án tới môi trường đất là không lớn; tuy nhiên cũng cần có biện pháp giảm thiểu tác động này.

- Tác động của tiếng ồn:

Ngoài việc phát sinh bụi và khí thải các phương tiện vận tải và thi công còn phát sinh ra tiếng ồn.

+ Các nguồn gây ồn bao gồm: Xe tải vận chuyển vật liệu xây dựng, các thiết bị, máy móc xây dựng, máy trộn bê tông, máy đầm.

+ Việc sử dụng các xe tải nặng để vận chuyển vật liệu xây dựng và các thiết bị, máy móc xây dựng như xe lu, đầm, cần cầu... sẽ không chỉ gây ô nhiễm tiếng ồn mà còn gây ra độ rung tại khu vực thi công cũng như các vùng lân cận trong giai đoạn cải tạo.

+ Dự án thi công cải tạo không lớn nên tác động do ồn và rung của các hoạt động đến khu dân cư xung quanh là không đáng kể.

- Tác động đến đời sống xã hội khu vực:

Do tập trung lượng lao động từ các địa phương khác, với thành phần nghề nghiệp khác nhau có thể làm tăng nguy cơ lây lan dịch bệnh và các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp... trong khu vực.

Trong giai đoạn cải tạo sẽ tập trung công nhân làm việc trực tiếp tại Dự án đến từ nhiều địa phương khác nhau, do đó, vấn đề sức khỏe người lao động, vệ sinh môi trường và các vấn đề xã hội cần được lưu tâm. Các tác động có thể xảy ra là:

+Mâu thuẫn nảy sinh giữa công nhân lao động trong công trường, với người dân địa phương do khác nhau về lối sống, thói quen sinh hoạt, quyền lợi, tiền bạc...

+Gia tăng các tệ nạn xã hội như cờ bạc, trộm cắp,... tại địa phương.

+Tăng các áp lực lên môi trường, cơ sở hạ tầng và nguồn nước sạch.

Các tác động này thường chỉ trong giai đoạn cải tạo và có thể giảm thiểu được nhờ các giải pháp quản lý như tận dụng tối đa nguồn lao động tại địa phương và sự quan tâm của Chủ đầu tư và nhà thầu thi công đến vấn đề ổn định nơi ăn, ở của người lao động.

- Tác động đến giao thông khu vực:

Theo tính toán trong quá trình vận chuyển các nguyên vật liệu và máy móc thiết bị cho Dự án, cũng như hoạt động thi công tại công trường thì Dự án sử dụng xe tải vận chuyển các nguyên vật liệu xây dựng, chất thải, các máy móc thiết bị... trong giai đoạn cải tạo của Dự án có thể gây hư hại các tuyến đường vận chuyển và sẽ làm tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường này, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông bình thường trên tuyến đường, có thể gây tắc nghẽn giao thông, gây cản trở đi lại của nhân dân vào giờ cao điểm và gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông. Đây cũng là một trong những vấn đề được người dân quan tâm. Lượng xe lưu thông vận chuyển nguyên vật liệu và đất đá đổ thải, kết hợp với lưu lượng giao thông thường xuyên của các phương tiện khác gây áp lực lên các tuyến đường vận chuyển. Tuy nhiên hệ thống giao thông của khu vực thực hiện Dự án đáp ứng được.

- Tác động tới hệ thống điện, cấp thoát nước, thông tin lân cận trong khu vực Dự án:

Xung quanh khu đất Dự án đã có sẵn các công trình cấp điện, cấp – thoát nước.

Khi thi công cải tạo, có thể xảy ra sự cố vỡ đường ống cấp - thoát nước, chập điện...do các hoạt động đào đắp, thi công trong Dự án.

Nước thải trong quá trình thi công cải tạo các loại vật liệu xây dựng của Dự án, nếu không được tập kết và thu gom theo đúng quy định, thì các loại vật liệu này dễ bị trôi cuốn vào hệ thống công thoát nước chung tại khu vực, nếu không được khắc phục có thể gây bồi lắng làm ách tắc hệ thống thoát nước chung nằm trên tuyến đường này, dẫn đến ảnh hưởng vào hệ thống thoát nước chung của khu vực và thị trấn, có thể làm ngập lụt cục bộ trong khu vực.

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

+ Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công ưu tiên tuyển dụng công nhân vốn định cư tại địa phương, người lao động sẽ về nhà ăn uống, vệ sinh cá nhân nên lượng nước thải phát sinh tại công trường gần như không đáng kể.

+Trong quá trình xây dựng cải tạo cửa hàng, công nhân sử dụng công trình vệ sinh công cộng/tu nhân khu vực xung quanh.

+ Đảm bảo 100% lượng công nhân không ăn uống, tắm giặt tại công trường.

+ Có kế hoạch tổ chức thi công hợp lý để giảm tối đa lượng nhân công trên công trường trong từng thời điểm thi công.

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung, sử dụng tiết kiệm nước cho người lao động.

b. Nước thải thi công:

+ Tiết kiệm nước trong quá trình trộn bê tông, vữa...

+ Tất cả nước thải phát sinh từ bảo dưỡng bê tông sẽ được chảy qua các hố lắng cát, được đưa khỏi hiện trường thông qua một hệ thống thoát nước tạm thời được thiết kế phù hợp trước khi xả vào nguồn nước.

+ Trong quá trình thi công cần thực hiện an toàn về máy móc, thiết bị thi công, không để rò rỉ dầu mỡ trong quá trình thi công.

+ Không tập trung các nguyên vật liệu gần hệ thống thoát nước để ngăn ngừa rò rỉ vào đường thoát thải.

+ Không bố trí để vật liệu đổ thải ở gần nguồn nước.

+ Tránh việc hình thành các vũng nước trong khu vực thi công để giảm thiểu ô nhiễm môi trường thi công.

+ Định kỳ 1 tháng/lần kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

+ Các phương tiện hoạt động trên công trường khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay thế dầu sẽ được đưa tới các gara bên ngoài để bảo dưỡng nhưng hạn chế đến mức thấp nhất sự rơi vãi của các loại dầu máy ra công trường.

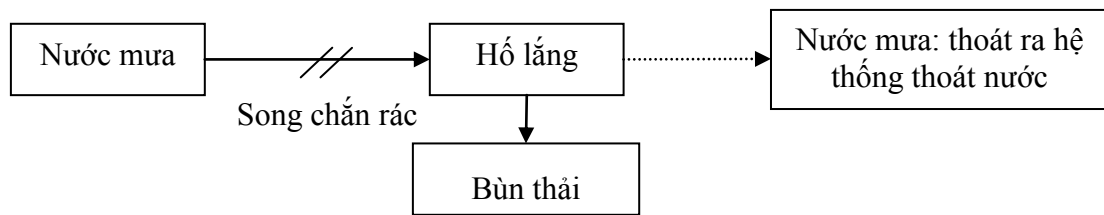
+ Quản lý ngăn chặn rò rỉ xăng dầu và vật liệu độc hại do xe vận chuyển gây ra.

c. Nước mưa chảy tràn:

+ Trong giai đoạn cải tạo, nước mưa cuốn theo đất, cát, xi măng rơi vãi từ bề mặt

được dẫn vào hố lắng trước khi chảy tràn vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thu gom nước thải của khu vực. Bùn lắng được nạo vét khi giai đoạn xây dựng kết thúc.

Chủ Dự án sẽ xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa như sau:



Hình 4. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn

+ Đối với từng khu vực riêng biệt trên công trường, quá trình san gạt sẽ tiến hành đồng thời giữa đào đắp và lu lèn, đất đá san gạt sẽ được đào đắp và nén chặt dứt điểm theo từng khu vực, chất thải rắn không thải bỏ bừa bãi,... Như vậy khi có mưa sẽ hạn chế được tác động của nước mưa chảy tràn.

+ Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vãi làm tắc nghẽn đường thoát thải.

+ Nghiêm cấm vứt rác bừa bãi, che chắn nguyên vật liệu tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các công trình của dự án.

+ Định kỳ 01 tháng/lần nạo vét bùn thải từ các hố ga lắng cạn, bùn thải được vận chuyển đổ thải cùng với CTR xây dựng.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

a. Các biện pháp quản lý CTR sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt sinh trong khi thi công chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (rau, thức ăn thừa, ...), gói đựng đồ ăn, ... thành phần không độc hại, khối lượng nhỏ, dễ phân hủy sẽ được thu gom và xử lý theo biện pháp tập trung vào thùng chứa CTRSH tạm thời trên công trường. Chủ Dự án đặt các thùng đựng rác chuyên dụng xung quanh khu vực thi công để thu gom. Vị trí cụ thể của từng thùng rác sẽ do nhà thầu thi công quyết định, phụ thuộc vào điều kiện lao động và các yếu tố khác sao cho không gây cản trở, vướng mắc cho các hoạt động trên công trường.

+ Ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường của địa phương tới thu gom vận chuyển cùng với CTRSH của địa phương. Hàng ngày, đơn vị vệ sinh môi trường của địa phương tới thu gom vận chuyển cùng với CTRSH của địa phương đến bãi rác theo quy định để xử lý.

Ngoài ra, một số biện pháp giảm thiểu chất thải sinh hoạt do công nhân gây ra như:

+ Trước khi thi công, một thủ tục kiểm soát chất thải (lưu trữ, cung cấp thùng đựng rác, kế hoạch quét dọn công trường, kế hoạch dỡ bỏ các thùng, ...) cần được nhà thầu chuẩn bị và theo sát cẩn thận trong các hoạt động xây dựng.

+ Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân, giáo dục cho công nhân ý thức bảo vệ môi trường.

+ Tập huấn cho công nhân các quy định và các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

+ Không cho phép vứt rác bừa bãi và cầu thả trong việc xử lý tất cả rác thải. Tại tất cả các nơi làm việc, nhà thầu cung cấp các thùng rác, các khu tạm lưu rác và các phương tiện thu gom rác thải.

+ Bố trí các thùng rác trên công trường: Bố trí ít nhất 03 thùng rác loại 60 lít tại Dự án, vị trí cụ thể của từng thùng rác sẽ do nhà thầu thi công quyết định, phụ thuộc vào điều kiện lao động và các yếu tố khác sao cho không gây cản trở, vướng mắc cho các hoạt động trên Dự án. Cuối ngày, các thùng rác sẽ được tập kết về khu lưu giữ CTR tạm thời tại khu đất cạnh quốc lộ 21A để đơn vị có chức năng mà chủ đầu tư ký hợp đồng có trách nhiệm vận chuyển đổ thải theo đúng quy định.

b. Các biện pháp quản lý CTR thi công xây dựng:

- Thực hiện phân loại CTR xây dựng để có biện pháp thu gom, vận chuyển, xử lý hợp lý:

+ Các phế liệu có thể tái chế, tái sử dụng như vỏ bao xi măng, sắt thép, ... sẽ được thu gom và tập kết tại kho chứa CTR hiện có chờ bán cho đơn vị thu mua tái chế.

+ Đất đào thải bỏ sẽ được thu dọn sạch sẽ sau khi kết thúc ngày làm việc để đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đến nơi đổ thải theo quy định.

+ Vị trí các tập kết CTR xây dựng sẽ nằm trong khuôn viên Dự án, do nhà thầu thi công quyết định, phụ thuộc vào điều kiện lao động và các yếu tố khác sao cho không gây cản trở, vướng mắc cho các hoạt động trên công trường.

+ Phương thức che chắn: Sử dụng bạt PE nguyên chất phủ nhựa 2 mặt, đảm bảo độ bền dẻo với khả năng chịu được nắng, mưa, gió, bảo đảm sự ổn định khi che chắn kín tại khu vực lưu giữ phế thải xây dựng. Sử dụng các mảnh bạt có kích thước 5 m² để che phủ cho từng đống đất, đá, phế thải xây dựng khi trời mưa mà đơn vị có chức năng chưa kịp vận chuyển. Lấy các vật nặng như hòn đá to, thanh sắt để gài xung quanh các góc bạt, thành bạt nhằm che kín đất, đá, phế thải xây dựng tránh cho việc nước mưa chảy tràn qua khu vực cuốn theo lượng CTR xây dựng này xuống rãnh thoát nước, làm tắc rãnh thoát nước, phát tán các chất ô nhiễm vào môi trường.

+ Bố trí lưu chứa chất thải xây dựng được đặt tại khu lưu giữ CTR tạm thời để đơn vị có chức năng mà chủ đầu tư ký hợp đồng có trách nhiệm vận chuyển đổ thải theo đúng quy định. Định kỳ hàng ngày, các xe vận chuyển sẽ đến vận chuyển đổ bỏ phế thải xây dựng theo quy định.

+ Đơn vị thi công sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng và tư cách pháp nhân để thu gom và chuyên chở đất đào thải, CTR xây dựng tới bãi thải phù hợp với quy hoạch của thị trấn để xử lý theo đúng quy định.

+ Không tiến hành thi công vào những khung giờ nhạy cảm (giờ nghỉ ngơi), tránh làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

+ Không thu gom và vận chuyển chất thải trong giờ cao điểm: Không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

+ Thuê công nhân, xe chuyên dùng, loại xe đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thùng xe phải kín khít, che chắn theo quy định, không làm rò rỉ, rơi vãi khi vận chuyển.

+ Các xe vận chuyển khi vào bãi đổ phế thải phải tuân thủ quy định của đơn vị quản lý bãi chôn lấp chất thải xây dựng.

+ Tổ chức 01 đội công nhân vệ sinh (2-3 người) phụ trách công tác thu dọn, chủ

động khắc phục ngay khi có sự cố làm mất vệ sinh do phương tiện vận tải chất thải gây ra.

- Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải rắn thi công:

+ Thi công đúng kỹ thuật, đúng theo các thiết kế.

+ Tận dụng tối đa lượng đất đá đắp nếu có thể tái sử dụng.

+ Trong quá trình vận chuyển đồ thải phải đảm bảo che chắn kín thùng xe để hạn chế tác động của bụi và lượng chất thải rắn rơi vãi.

- Đối với tất cả các loại CTR phát sinh trong hoạt động xây dựng cũng như giai đoạn hoạt động của Dự án, phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c. Các biện pháp quản lý CTNH:

Chất thải nguy hại phát sinh trên công trường sẽ được quản lý nghiêm ngặt từ khâu thu gom đến việc xử lý đúng theo quy định quản lý chất thải nguy hại. Chất thải được đơn vị có chức năng chuyển ra khỏi công trường và được xử lý theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Trong quá trình thi công, sẽ bố trí một khu vực làm kho lưu giữ CTNH, kho có diện tích khoảng 4 m², có mái che bằng tôn lợp, đảm bảo cao ráo, thoáng và không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi ánh nắng và mưa, CTNH được thu gom và lưu giữ tạm thời ở các thùng chứa có nắp đậy. Trên mỗi thùng dán nhãn tên và biển hiệu mã số CTNH, cùng với cảnh báo CTNH. Bên ngoài kho sẽ treo biển cảnh báo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6707:2009 Tiêu chuẩn về CTNH - Dấu hiệu cảnh báo.

Theo kinh nghiệm giám sát thi công tại các Dự án cải tạo có quy mô tương tự, có thể ước tính lượng CTNH phát sinh tại từng công trường như trong bảng dưới đây:

Bảng 13. Danh mục CTNH trong giai đoạn thi công cải tạo

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng dự tính
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1 kg/tháng
2	Dầu thải	15 01 07	2 kg/tháng
3	Vật liệu lọc, giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5 kg/tháng
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	18 01 03	14,38 kg/tháng
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 02	6 kg/tháng
6	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	3 kg/tháng

Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thu gom, vận

chuyển và xử lý CTNH để thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ lượng CTNH trên theo quy định. Đơn vị này phải đảm bảo có năng lực và đã được cơ quan QLNN cấp phép hành nghề quản lý CTNH.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Bụi và khí thải phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, đổ thải chất thải thi công; hoạt động thi công xây dựng; và hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công. Trên cơ sở nhận dạng được các nguồn phát sinh, các biện pháp được đề xuất đối với từng nguồn phát thải như sau:

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ các hoạt động vận chuyển:

+ Để đảm bảo vật tư cung cấp kịp thời cho công trình, đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ, công trình sẽ sử dụng vật tư, vật liệu từ các đơn vị có cơ sở và xưởng sản xuất tại khu vực gần nhất, hạn chế tối đa quãng đường di chuyển gây ảnh hưởng đến môi trường;

+ Các phương tiện vận tải, các máy móc, thiết bị sử dụng sẽ được kiểm tra sự phát thải khí theo Tiêu chuẩn Việt Nam đối với CO, hydrocarbon và khói bụi (TCVN 6438-2001). Trên lý thuyết, biện pháp này là khả thi. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, việc đăng kiểm đối với máy móc thiết bị và xe ô tô vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là đối với các máy móc, thiết bị và xe đang sử dụng. Do vậy, để áp dụng được biện pháp này cho Dự án, chủ đầu tư cam kết đưa các yêu cầu đảm bảo phát thải khí đối với máy móc/thiết bị thi công vào Hồ sơ mời thầu của Dự án;

Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) phục vụ cho công tác cải tạo được trang bị bạt phủ kín khi lưu thông trên các tuyến giao thông ra vào khu vực thi công để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường. Biện pháp này có tính khả thi cao, mang lại hiệu quả trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh tại khu vực Dự án trong giai đoạn xây dựng;

+ Các xe phải chở đúng trọng tải quy định; Đi đúng tuyến đường được phân;

+ Nếu tuyến đường vận chuyển vật liệu qua khu vực dân cư, nhà thầu phải thực hiện biện pháp phun nước, giữ ẩm mặt đường với tần suất 1 lần/ngày và đặc biệt tăng tần suất phun ẩm 2 – 3 lần/ngày vào những ngày khô nóng, nhiều gió. Lượng nước sử dụng cho hoạt động phun ẩm mặt đường sẽ được nhà thầu ký hợp đồng với đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm cho dịch vụ này;

+ Có kế hoạch cung cấp vật tư hợp lý, hạn chế việc tập kết vật tư vào cùng một thời điểm và tránh giờ cao điểm;

+ Các phương tiện vận chuyển bùn cát, đất đá thải bỏ đến bãi đổ quy định hoặc chở vật liệu xây dựng đến công trường sẽ được che phủ, sàn xe sẽ được lót kín để giảm tối đa sự rơi vãi vật liệu, đất cát gây ô nhiễm bụi dọc 2 bên tuyến đường vận chuyển. Ngoài ra, việc thi công kế hoạch đào đất và vận chuyển, lựa chọn tuyến đường vận chuyển hợp lý, loại phương tiện vận chuyển phù hợp, đạt tiêu chuẩn cũng góp phần đáng kể vào việc giảm ô nhiễm bụi trong quá trình thi công;

b. Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình thi công cải tạo:

- Sắp xếp thời gian thi công, có kế hoạch thi công và cung cấp vật tư hợp lý, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm và tránh giờ cao điểm;

- Đất đá, phế liệu xây dựng dư trong quá trình thi công sẽ nhanh chóng được đơn

vị có chức năng vận chuyển ngay đến nơi quy định, không để bừa bãi trên đường gây ách tắc giao thông và làm hàm lượng bụi có khả năng phát tán vào không khí gia tăng đáng kể. Ngoài ra, trong quá trình thi công nếu gây rơi vãi ra đường làm ảnh hưởng đến vệ sinh chung, đội thi công sẽ tổ chức thu gom và rửa đường ngay;

- Dọn dẹp, quét dọn sân nền bãi tập kết nguyên vật liệu để hạn chế bụi phát tán vào môi trường khi có gió lớn;

- Dùng bạt che chắn cẩn thận, phủ kín khu vực tập kết các loại nguyên vật liệu, các khu chứa thải xây dựng chưa kịp vận chuyển tránh trường hợp bị gió phát tán vào môi trường gây ô nhiễm;

- Đơn vị thi công phải trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân thi công. Lắp đặt lưới chống bụi, chống rơi xung quanh toàn bộ khu vực xây dựng cao tầng để nguyên vật liệu không rơi vãi, văng xa, đảm bảo cho người tham gia giao thông trên đoạn đường gần khu vực dự án. Lưới chống bụi phải thay thế ngay khi bị hư hỏng

- Vào những ngày nắng nóng tiến hành phun nước tưới ẩm hằng ngày với tần suất 1 lần/ngày hoặc định kỳ tại khu vực thi công đào đắp đất, khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và trên tuyến đường thi công;

- Sử dụng phương tiện cơ giới đồng bộ, hiện đại theo các quy định của Bộ GTVT, đảm bảo yêu cầu phát thải theo TCVN cho phép. Trong quá trình thi công, để hạn chế tối đa lượng khí thải phát sinh, yêu cầu các máy móc thiết bị không vận hành quá công suất quy định, không nổ máy khi chờ hoặc tạm dừng thi công;

c. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc, thiết bị sử dụng nhiên liệu hóa thạch:

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị có giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật còn hiệu lực;

- Ưu tiên sử dụng các máy móc thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu và thân thiện với môi trường;

- Thường xuyên kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa MMTB,...;

Ngoài ra, những người tham gia thi công cải tạo trên công trường sẽ được cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân như: quần áo lao động, khẩu trang, kính, mũ, giày, gang tay,... để giảm thiểu các tác động do bụi và khí thải lên sức khỏe người lao động.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình hàn:

Sử dụng các loại que hàn đảm bảo chất lượng, ít phát sinh các loại khí nhà kính trong quá trình hàn.

Ưu tiên sử dụng các máy hàn đảm bảo chất lượng.

Ngoài ra, những công nhân tham gia hàn được cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân như: quần áo lao động, khẩu trang, kính chắn, mũ, giày, gang tay,... để giảm thiểu các tác động do bụi và khí hàn lên sức khỏe người lao động..

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.4.1 Giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn:

Để giảm mức ảnh hưởng của tiếng ồn và rung động trong quá trình xây dựng công trình đến khu vực lân cận xung quanh, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng phải áp dụng

các biện pháp sau:

+ Những máy móc gây ra tiếng ồn và rung lớn trong thi công như xe lu, máy xúc chỉ được phép làm việc vào ban ngày trừ giờ nghỉ trưa. Bố trí thời gian làm việc hợp lý.

+ Đối với những phương tiện vận chuyển chất thải rắn, nguyên vật liệu trong quá trình thi công, hạn chế các tiếng động lớn vào ban đêm (từ 22 h đến 6 h).

+ Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

+ Các phương tiện máy móc thi công phải có giấy phép lưu hành của Cục Kiểm định.

+ Quy định tốc độ xe, máy móc (<10km/h) khi hoạt động trong khu vực Dự án.

+ Giảm tốc độ và lưu lượng các phương tiện vận chuyển trong khoảng thời gian từ 22h đến 6h sáng để không làm ảnh hưởng đến khu vực dân cư.

+ Công nhân thi công sẽ được trang bị các thiết bị hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai.

+ Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành.

+ Lập kế hoạch thi công hợp lý để đạt mức độ ồn theo tiêu chuẩn cho phép. Không để cùng một lúc trên công trường nhiều thiết bị, máy móc thi công có gây độ ồn cùng một thời điểm để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

+ Lập trình hoạt động hợp lý cho các loại xe tải hạng nặng, cũng như các thiết bị xây dựng gây ồn (máy đào, máy xúc, máy đóng cọc, xe lu...);

+ Khi đóng cọc gần các công trình đã cải tạo, phải làm tường, hàn bảo vệ để chắn lan truyền rung động gây nứt lún các công trình kiến trúc lân cận.

+ Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp đặt các bộ phận tắt chấn động lực.

+ Biện pháp công nghệ: Sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý là việc khí nén bằng thủy khí, thay đổi chế độ tải làm việc.

+ Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đệm đàn hồi cao su.

1.4.2 Giảm thiểu rung động:

Chống rung tại nguồn (chống rung chủ động) là những biện pháp nhằm giảm rung động ngay tại nơi phát sinh trước khi lan truyền sang các chi tiết khác trong máy và biện pháp này được áp dụng chủ yếu đối với trường hợp rung động là các kích động lực điều hòa hoặc tuần hoàn. Chống rung chủ động là những biện pháp chống rung triệt để và tích cực, nhưng đồng thời cũng là biện pháp gặp nhiều khó khăn nhất do tính chất phức tạp, đa dạng của máy móc thiết bị về kết cấu cũng như về công dụng. Vì vậy, cho tới nay cũng chưa có một phương pháp chung, tổng quát cho vấn đề này. Tuy nhiên, dựa vào kinh nghiệm và trên cơ sở thực tế của từng loại thiết bị máy móc cụ thể người ta có thể giải quyết chống rung chủ động bằng những biện pháp như:

+ Biện pháp công nghệ: sử dụng vật liệu phi kim loại; thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí; thay đổi chế độ tải làm việc,...

+ Biện pháp kết cấu: cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực,...

Chống rung trên đường truyền (chống rung thụ động) để giảm tác động của rung động đối với con người và môi trường. Các biện pháp được áp dụng gồm:

+ Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế; hoặc có loại được lắp cố định trên máy và được xem như là một bộ phận hoặc chi tiết của máy: ghé lái giảm rung, tay nắm cách rung; có loại lại luôn luôn độc lập và nằm ngoài máy như sàn cách rung, tay kẹp giảm rung,...

+ Sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung,... mà cơ sở của những biện pháp này được dựa trên nguyên tắc làm suy giảm năng lượng rung trong quá trình lan truyền và sao cho rung động khi truyền tới cơ thể con người cũng như môi trường xung quanh là ở mức cho phép. Trong quá trình xây dựng, đối với những hạng mục công trình nằm cạnh công trình khác sẽ có các biện pháp đào hào, đổ cát xung quanh khu vực đóng cọc để hạn chế sự lan truyền chấn động.

+Không lắp trạm trộn bê tông trong khu vực dự án để giảm phát sinh tiếng ồn; mua bê tông tươi từ các đơn vị cung cấp bê tông tươi trong khu vực.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

1.5.1. Biện pháp vệ sinh an toàn lao động:

- Trong quá trình thi công công trình, do sự tập trung công nhân có thể phát sinh dịch bệnh trong khu vực để hạn chế tác động đó cần:

+ Tuyên truyền về vệ sinh lao động đối với công nhân làm việc trên công trường.

+ Có chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe cho cán bộ công nhân viên, kịp thời phát hiện các bệnh do nghề nghiệp.

+ Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho CBCNV, kịp thời phát hiện các bệnh do nghề nghiệp.

+ Giáo dục ý thức về vệ sinh môi trường và an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên.

-Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công lập Ban an toàn lao động (có quyết định giám sát thi công về kỹ thuật và an toàn) chuyên trách; xây dựng ban hành nội quy, quy chế và và buộc công nhân tại công trường phải thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế làm việc tại công trường; bao gồm nội quy ra vào làm việc tại công trường. Nội quy về trang bị bảo hộ lao động, quy trình vận hành máy móc thiết bị thi công, an toàn điện, PCCC.

-Công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị thi công phải qua đào tạo, thực hành theo các nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật.

-Trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết cho công nhân tại công trường như khẩu trang, găng tay; mũ, kính bảo hộ; các thiết bị an toàn trong sử dụng điện.

-Khi vận chuyển vật liệu xây dựng lên cao cần kiểm tra thiết bị vận chuyển, phải có biện pháp bảo vệ để vật liệu xây dựng không rơi vãi...báo động với tất cả công nhân trên công trường là đang thực hiện việc di chuyển vật liệu lên cao để họ có ý thức bảo vệ bản thân, phòng ngừa tai nạn lao động.

-Triển khai các phương án PCCC, CNCH trong suốt quá trình thi công; Lắp đặt biển và có người hướng dẫn về giao thông khu vực thực hiện dự án.

1.5.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn hoàn thiện:

Trong giai đoạn hoàn thiện công trình, cũng như hoàn thiện trong từng phòng, khu dịch vụ,... sẽ gây ra các tác động đến môi trường nhưng chủ đầu tư và nhà thầu thi công sẽ có những biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn thi công đối với môi trường không khí như:

+ Bụi: Phát sinh từ quá trình trát vữa, lát nền, sơn, lắp đặt các thiết bị trong nhà, hoàn thiện các nhà vệ sinh, lắp đặt hệ thống cửa,... Tuy nhiên, công tác này được tiến hành trong nhà, các công trình cao tầng vẫn được bao che kín nên sẽ hạn chế được các tác động này.

+ Tiếng ồn: Phát sinh từ các hoạt động hoàn thiện, lắp đặt nội thất cho các công trình. Tuy nhiên, các hoạt động phát sinh mức ồn ở mức không cao, hoạt động không liên tục và được tiến hành kín trong từng không gian hoàn thiện nên mức ồn được giảm thiểu đáng kể.

+ Các chất khí độc: Trong giai đoạn hoàn thiện công trình, các chất khí độc phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện GTVT. Các máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình hoàn thiện hầu như đều sử dụng điện nên không phát sinh khí thải độc hại. Tuy nhiên, quá trình sơn hoàn thiện các công trình, đồ nội thất cũng sẽ có hơi sơn, dung môi,... nên sẽ phát sinh các chất khí độc hại. Các chất khí độc hại này sẽ chủ yếu được khuếch tán vào môi trường do rất khó để thực hiện các biện pháp thu gom.

1.5.3. Biện pháp giảm thiểu sự cố thiên tai:

Bố trí kế hoạch thi công phù hợp;

Tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến thời tiết để tổ chức thi công;

Hạn chế những ảnh hưởng từ thiên tai, các hạng mục thi công cần đảm bảo thi công đúng kỹ thuật và quy trình xây dựng;

Thi công đúng tiến độ, tránh tình trạng trì trệ trong thi công;

Thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai của cửa hàng xăng dầu;

Khi có biểu hiện ngập lụt (mưa lớn, nước dâng nhanh) nhanh chóng di dời toàn bộ phương tiện thi công ra khỏi công trường. Trước hết vận chuyển các loại nhiên liệu xăng dầu sau đó vận chuyển máy móc thiết bị. Bố trí hệ thống máy bơm nước.

1.5.4. Phòng ngừa, giảm thiểu sự cố ngập úng:

Trong quá trình thi công, nhằm hạn chế đất cát nguyên vật liệu trôi ra khu vực xung quanh nhất là khi trời mưa, bố trí hệ thống thoát nước thi công đảm bảo tiêu nước triệt để, không gây ngập úng trong suốt quá trình thi công. Nước thải thi công trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực phải thu về hố ga, lắng đọng bùn đất, phé thải qua các ngăn lắng đọng. Kích thước các hố ga phải phù hợp với lưu lượng nước thải.

Đơn vị thi công tổ chức nạo vét (tần suất 01 tháng/ lần), thu gom bùn rác chuyển đến nơi quy định; không để vật liệu, phế thải xây dựng, dung dịch khoan, hóa chất trôi vào hệ thống thoát nước chung của khu vực, nhất là vào những ngày trời mưa gây úng ngập cho khu vực xung quanh.

1.5.5. Phòng ngừa, giảm thiểu sự cố rơi vãi nguyên vật liệu và chất thải rắn:

- Che chắn kỹ phủ bạt phía trên thùng xe, lót kín sàn xe.
- Chở đúng tải trọng cho phép.
- Nhà thầu xây dựng phối hợp với các công ty vận tải (do Nhà thầu hợp đồng vận chuyển) trong quản lý, giáo dục đối với các chủ phương tiện giao thông.
- Xe vận chuyển chất thải xây dựng dạng đất, bùn hữu cơ phải là xe thùng chuyên dùng, loại xe 5 tấn, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thùng xe phải kín khít và che chắn theo quy định, không làm rò rỉ, rơi vãi bùn, đất khi vận chuyển.
- Khi rơi vãi phải tiến hành dọn dẹp và hoàn trả hiện trạng của đường giao thông.

1.5.6. Phòng ngừa, giảm thiểu sự cố sụt lún:

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, kịp thời phát hiện và theo dõi diễn biến lún, nứt công trình, tần suất kiểm tra: liên tục.

Khi xảy ra hiện tượng sụt lún, thuê đơn vị có chuyên môn đến khảo sát hiện trạng và nghiên cứu hồ sơ thiết kế, thi công. Khi xác định được nguyên nhân thì sẽ đề xuất phương án khắc phục phù hợp với điều kiện hiện trạng, điều kiện thi công và điều kiện kinh tế.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

Nước thải của cửa hàng phát sinh từ nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên trực thuộc cửa hàng, các thiết bị vệ sinh như chậu rửa, vòi rửa, nước mưa chảy trên bề mặt cửa hàng cuốn theo dầu mỡ.

2.1.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại chủ yếu từ cán bộ, nhân viên trực thuộc Cửa hàng 102. Lượng nước thải sinh hoạt này thường chứa hàm lượng các chất rắn lơ lửng (TSS), BOD5, COD, NH₄⁺, các thành phần dinh dưỡng N, P và vi khuẩn cao. Ngoài ra nước thải sinh hoạt còn kéo theo một lượng lớn các loại vi khuẩn (E. Coli, Vi rút các loại, trứng giun sán) sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải. Theo ước tính mỗi người một ngày thải ra một lượng các chất hữu cơ tương đương với 45 - 54 gam BOD5 (S. arceivala, Marcel Dekker, Inc.-World Health organization, Geneva, 1993). Ngoài ra nước thải sinh hoạt còn chứa một loạt các chất dinh dưỡng khác như NH₄⁺, PO₄³⁻. Dinh dưỡng trong nước thải là nguyên nhân gây ra hiện tượng phú dưỡng các nguồn tiếp nhận nước thải.

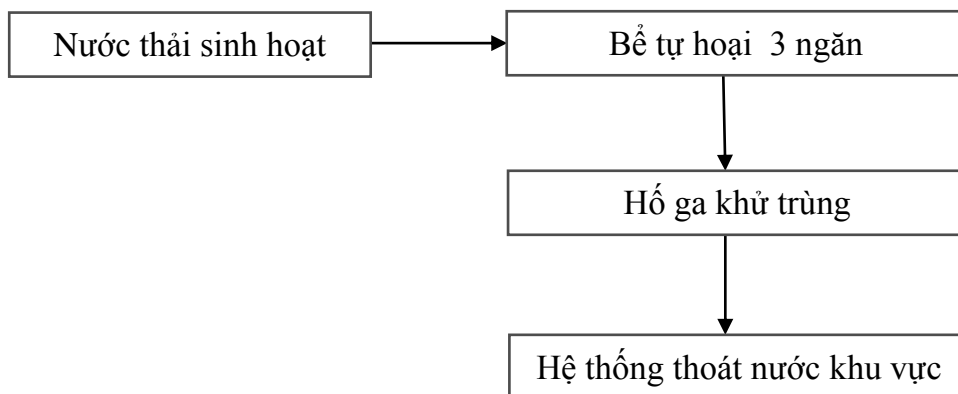
Bảng 14. Bảng tính nước thải sinh hoạt

STT	Đối tượng, hạng mục	Số lượng (thường trực tại cửa hàng)	Định mức	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày đêm)	Tính thêm hệ số rò rỉ 15% (m ³ /ngày đêm)	Tỉ lệ thu gom (%)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)
1	Cán bộ và nhân viên	2 người	80 Lít/người/ngày đêm	0,16	0,184	100	0,184
2	Rửa đường bãi	400 m ²	0,4L/m ² /ngày	0,16	0,184	0	-
Tổng				0,32	0,368		0,184

Như vậy, Lưu lượng nước thải phát sinh là **0,184 m³/ngày đêm**.

Tác động của lượng nước thải phát sinh từ Dự án chủ yếu là do các nguồn nước thải từ hoạt động sinh hoạt, từ các thiết bị vệ sinh như chậu rửa, vòi rửa, nước thải bồn cầu, v.v.... Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 29:2010/BTNMT – cột B (cửa hàng không có dịch vụ rửa xe) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải kho và cửa hàng xăng dầu mới thoát thải ra môi trường tiếp nhận và QCVN 14:2008/BTNMT

Nước thải thoát theo tuyến riêng, nước thải từ các trục đứng được thoát vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý trước khi xả ra hệ thống thoát nước khu vực.



Hình 5. Sơ đồ thu gom nước thải

Đối với nước thải nhà bếp sẽ bố trí các thiết bị có dung tích 0,1 m³ bằng inox có các ngăn để tách dầu mỡ, thiết bị được bố trí ngay dưới các bồn rửa, nước thải nhà bếp sau khi chảy qua đây sẽ được tách dầu mỡ trước khi dẫn về hệ thống bể tự hoại 3 ngăn.

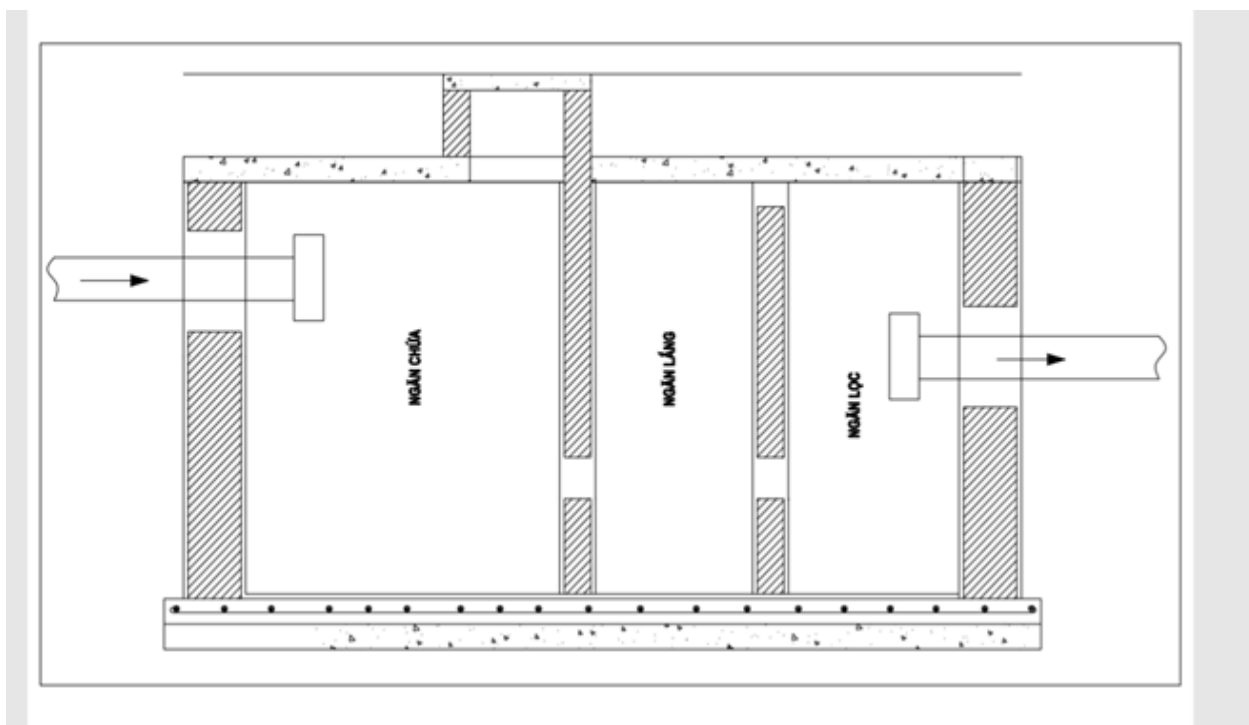
* Xử lý triệt để:

+ Sử dụng 01 bể tự hoại, bể có dung tích khoảng 3 m³ (03 ngăn).

+ Sử dụng 01 hồ ga khử trùng nước thải (dung tích 0,5 m³).

Vị trí: Bể tự hoại được đặt ngầm ngay dưới nhà khu nhà vệ sinh tại phía Tây. Hệ thống hố ga khử trùng được bố trí trước vị trí xả nước thải ra hệ thống thoát nước khu vực.

Tiêu chuẩn xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.



Hình 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

* Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại 3 ngăn

Đây là dòng bể thông dụng nhất hiện nay, nó được thiết kế bao gồm 3 ngăn chính là ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc.

-Ngăn chứa: Đây là ngăn chứa toàn bộ các chất thải từ bồn cầu xả xuống. Sau khi đi vệ sinh, toàn bộ phân, nước tiểu và một số loại chất thải khác sẽ xả thẳng vào ngăn chứa. Do vậy, kích thước của ngăn chứa bao giờ cũng lớn nhất.

Tại ngăn chứa, các chất thải sẽ bắt đầu phân hủy kỵ khí và chuyển hóa thành hỗn hợp bùn và nước. Một vài loại chất thải khó bị phân hủy khác sẽ lắng lại tại ngăn chứa.

-Ngăn lắng: Nhiệm vụ của ngăn lắng là tiếp tục nhận các chất thải từ ngăn chứa. Tại đây, các loại chất thải còn sót lại chưa được phân hủy ở ngăn chứa như kim loại, tóc hoặc vật cứng sẽ được giữ lại ở đáy ngăn.

-Ngăn lọc: Ngăn này sẽ tiếp tục nhận các chất thải sau khi đã được xử lý ở ngăn lắng và đảm nhiệm vai trò là lọc toàn bộ các chất thải lơ lửng trước khi thoát ra hệ thống nước thải.

Nước thải sau xử lý đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.1.2. Nước thải từ súc rửa bồn bể chứa xăng dầu, vệ sinh sân bãi, nước mưa chảy tràn:

* Nước thải từ súc rửa bồn bể chứa xăng dầu: Không có hoạt động súc rửa bồn bể chứa xăng dầu tại khu vực dự án. Toàn bộ hệ thống bể chứa xăng dầu tại các cửa hàng

bán xăng dầu trực thuộc Chi nhánh không có hoạt động này.

- ❖ Nước thải từ quá trình vệ sinh kho, rửa sàn: thành phần ô nhiễm không đáng kể, có thể có cuốn theo đất cát, bụi bẩn, xăng dầu rơi vãi.
- ❖ Nước mưa chảy tràn khu vực xung quanh Cửa hàng: thành phần ô nhiễm không đáng kể, có thể có cuốn theo đất cát, bụi bẩn, xăng dầu rơi vãi.

Bảng 15. Bảng tính nước thải vệ sinh sân bãi

STT	Đối tượng, hạng mục	Diện tích bao gồm cả khu vực xung quanh	Định mức	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày đêm)	Tính thêm hệ số rò rỉ 15% (m ³ /ngày đêm)	Tỉ lệ thu gom (%)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)
1	Vệ sinh rửa sân bãi	400m ²	0,4L /m ² /ngày	0,16	0,184	100%	0,184

Sau khi hoàn thành việc nâng quy mô, công suất cửa hàng xăng dầu. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động vệ sinh cửa hàng sân bãi là 0,184 m³/ngày. đêm.

Lượng nước thải được tính bằng 100% nước sử dụng. Như vậy nhu cầu xả thải là **0,184m³/ngày đêm.**

Tổng diện tích của dự án là 400 m². Lượng mưa trong tháng cao nhất trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022 của khu vực thực hiện dự án là 626 mm. Giả sử trong tháng mưa nhiều nhất có 12 ngày mưa và mỗi ngày mưa 3 giờ. Như vậy lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án được tính như sau: $Q_{\max} = i.A.F$ (m³/s).

Trong đó:

i: Hệ số chảy tràn

A: Lưu lượng mưa (m³/tháng)

F: Diện tích (400 m²)

$$Q_{\max} = 1 \times 0,626 \times 400 / (12 \times 3 \times 3600) \approx 0,002 \text{ (m}^3/\text{s)}$$

Lượng nước mưa chảy tràn phát sinh: 0,002 m³/s. Lượng nước thải phát sinh từ nước mưa chảy tràn được tính bằng 100% trên tổng lượng phát sinh. Vậy nước thải phát sinh tối đa từ nước mưa chảy tràn: **0,002 m³/s.**

Tại các Hồ ga, được lắp đặt thêm các bể tách dầu mỡ và vải lọc dầu, để đảm bảo được nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

Nước thải sau xử lý đảm bảo theo QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu. Cột B: Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Các yếu tố tác động đến môi trường không khí khu vực Petrolimex – Cửa hàng 102:

- Khí thải phát sinh do các phương tiện giao thông vào mua xăng dầu, các xe xitec chở xăng dầu vào nhập hàng: thành phần khí thải chủ yếu là CO, CO₂, SO_x, NO_x

- Khí thải phát sinh trong quá trình vận hành máy phát điện dự phòng khi có sự cố mất điện;

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xuất, nhập hàng: Sự phát thải này xảy ra trong nhiều giai đoạn khác nhau từ nạp nhiên liệu vào bể chứa xăng dầu, bình chứa của khách hàng mua xăng dầu.

Theo tính toán định mức hao hụt của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam thì lượng hơi xăng, dầu bay hơi trong quá trình kinh doanh xăng dầu như sau:

✓ Giai đoạn I - nhập xăng từ xe téc vào bể chứa: Lượng xăng, dầu bay hơi trong quá trình này khoảng 0,12% tổng lượng xăng dầu được nhập (**được thu hồi hơi trên xe xi téc**);

✓ Giai đoạn II - bơm xăng, dầu vào các **phương tiện chứa đựng của khách hàng**: 0,11% tổng lượng xăng dầu được bán ra;

✓ Giai đoạn lưu giữ xăng, dầu trong các bể chứa thông thường là bể chứa ngầm do cấu tạo rất kín nên xăng dầu hầu như không phát sinh bay **hơi ra môi trường**.

Như vậy, tổng lượng xăng dầu bay hơi của cả 2 quá trình là 0,23% lượng xăng dầu kinh doanh.

Nếu áp dụng hệ số này vào Petrolimex – Cửa hàng 102 sau cải tạo là 200m³/tháng thì lượng hơi xăng, dầu bay hơi sẽ là 0,46m³/tháng tương đương khoảng 0,0153 m³/ngày ((200 x 0,23%)/30 ≈ 0,0153).

Trong quá trình nhập, bán lẻ xăng dầu sẽ phát sinh một số chất, hợp chất dễ bay hơi vào môi trường không khí như: benzene, hydroacbua, CO, CO_x,NO_x, bụi...

Khi đi vào hoạt động, cửa hàng trồng thêm cây xanh, thường xuyên quét dọn, tưới ẩm, dập bụi

Khí thải phát sinh do các phương tiện giao thông vận tải

Nhìn chung tải lượng ô nhiễm không khí do hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải là khá lớn, tuy nhiên nguồn ô nhiễm này là không tránh khỏi. Để hạn chế phát thải các loại khí ô nhiễm từ các phương tiện giao thông vận tải, Cửa hàng sẽ đặt biển báo yêu cầu các phương tiện giao thông dừng xe, tắt máy khi vào trong khu vực Cửa hàng.

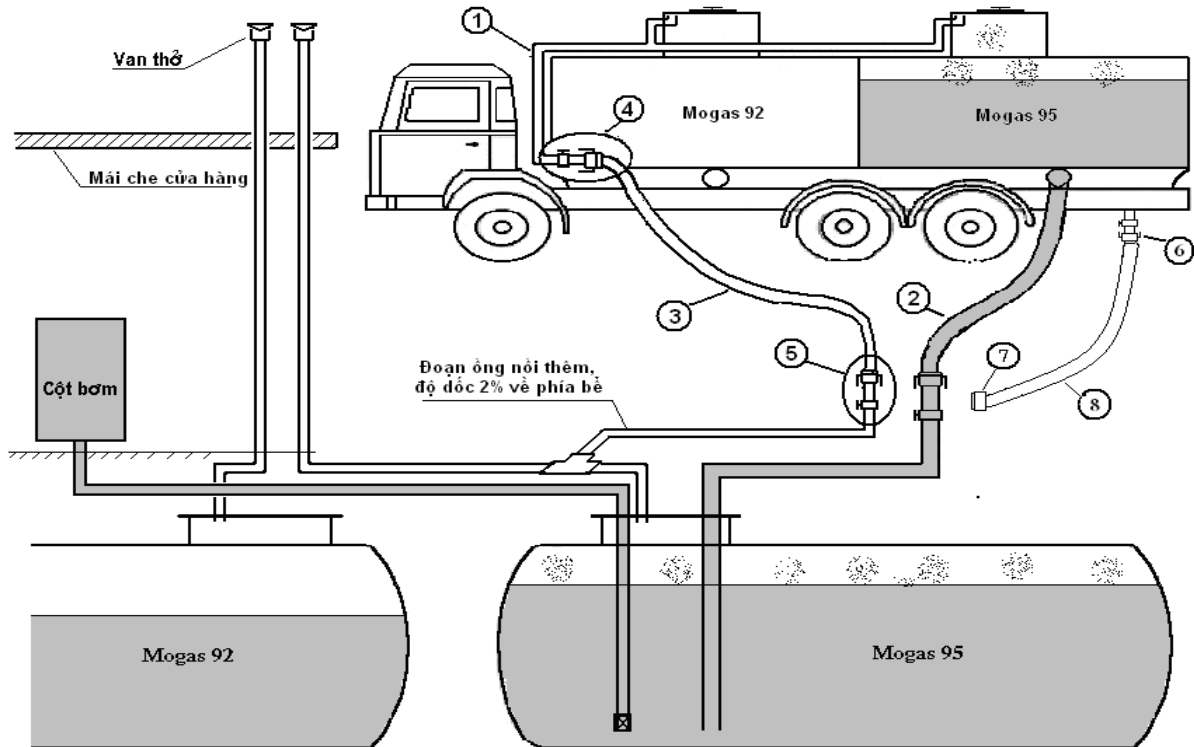
Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

Máy phát điện của Cửa hàng có công suất nhỏ, chỉ được sử dụng khi có sự cố mất điện đột xuất, và thời gian phát điện không dài, **Cửa hàng có bố trí đặt máy phát điện ở phòng riêng biệt** để máy phát hoạt động cân bằng, ổn định, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát, giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

Khí thải phát sinh trong quá trình xuất, nhập hàng

Cửa hàng sẽ áp dụng hệ thống thu hồi hơi trong quá trình nhập hàng.

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CÔNG NGHỆ THU HỒI HƠI TẠI CỬA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU (QUY ĐỊNH)



Hình 6. Nguyên lý thu hồi hơi khi nhập hàng

Chú thích

- 1- Ống kim loại Ø 50 lắp cố định trên xitec, dẫn hơi xăng dầu từ bể chứa vào xitec.
- 2- Ống mềm nhập xăng dầu từ xitec vào bể chứa Ø 75.
- 3- Ống mềm Ø 50 thu hơi xăng dầu từ bể chứa vào xitec (2 đầu ống lắp khớp nối nhanh TypeE, Ø 50).
- 4- Chi tiết hợc chờ có khớp nối nhanh (TypeD, Ø 50) để nối ống mềm dẫn hơi xăng dầu lắp cố định tại xe xitec.
- 5- Chi tiết hợc chờ có khớp nối nhanh (TypeD, Ø 50) để nối ống mềm dẫn hơi xăng dầu lắp cố định tại cửa hàng xăng dầu.
- 6- Chi tiết hợc chờ có khớp nối nhanh (TypeD, Ø 26) để nối ống mềm dẫn xăng dầu tại rôn xitec.
- 7- Đầu khớp nối (Ø 75) để nối ống mềm xả đáy (Ø 26) vào hợc nhập bể ngầm (sau khi tháo ống nhập); đơn vị lựa chọn phương pháp phù hợp để lắp đầu khớp nối (Ø53) với ống mềm (Ø26).

8- Ống mềm (Ø 26) sử dụng để xả rớt xitec, hút vét hàng.

Nguyên lý thu hồi hơi

Khi xe xitec vào bãi đỗ để nhập hàng tại CHXD, dùng ống mềm 3 nối vào vị trí họng chờ của xe xitec 4 và họng chờ 5 tại CHXD. Trong quá trình nhập hàng, xăng dầu được dẫn theo ống mềm 2 từ xitec vào bể ngâm của cửa hàng và điền đầy thể tích trống của bể chứa đồng thời đẩy hơi xăng dầu từ bể chứa thoát ra theo đường ống van thở. Nhờ việc điều chỉnh áp lực dương của van thở bể mà hơi xăng dầu sẽ theo đường ống 3 quay trở lại xe xitec và không phát thải ra ngoài qua van thở bể. Áp dụng phương thức xả đáy kín thay cho phương thức xả đáy hở như trước đây (xả vào xô và dùng phễu đổ vào bể). Hiệu suất thu hồi hơi của hệ thống đạt 96 - 99%.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn thông thường có nguồn gốc và tính chất gần như rác thải sinh hoạt, được thu gom vào thùng chứa có dung tích 20 L.

Thành phần chủ yếu của các loại rác thải này là rác hữu cơ dễ phân hủy (như rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa...) chiếm tỷ lệ chính, còn lại là rác vô cơ khó phân hủy như giấy phế thải và các phế thải có thể tái chế như nhựa, thủy tinh, giấy, kim loại.

Chất thải rắn sinh hoạt được tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày (Theo Bảng 2.23, Mục 2.12. QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng).

Căn cứ cơ cấu cán bộ và nhân viên của Cửa hàng là 5 người (nhưng làm theo ca, vì vậy chỉ có 02 người thường trực).

Như vậy, tổng khối lượng chất rắn thông thường là:

$$2 \text{ người} \times 0,5 \text{ kg/người/ngày} = 1,0 \text{ kg/ngày.}$$

Lượng chất thải thông thường phát sinh này nếu không thu gom hàng ngày để lâu sẽ phân hủy và gây ra các ảnh hưởng tới sức khỏe con người và môi trường.

- Môi trường các loại vi khuẩn phát triển, trong đó có vi khuẩn gây bệnh;
- Ruồi muỗi, chuột bọ và các loại côn trùng khác phát triển;
- Gây mùi hôi thối;
- Ảnh hưởng xấu đến mỹ quan của Cửa hàng và khu dân cư xung quanh.

Cửa hàng trang bị thùng chứa rác để chứa chất thải rắn. Hàng ngày, cửa hàng sẽ đổ rác vào giờ quy định khi có nhân viên môi trường của khu vực đến thu gom. Đối với những rác vẫn phòng có thể tái chế sẽ được bán lại cho đơn vị chuyên thu gom, tái chế.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải rắn sinh hoạt thông thường được cửa hàng thu gom vào thùng chứa, được bàn giao cho đơn vị thu gom địa phương là UBND thị trấn Bình Mỹ vận chuyển, xử lý (có xác nhận của UBND thị trấn gửi kèm).

Chất thải nguy hại:

Các chất thải nguy hại phát sinh sẽ được các công nhân khi thu gom rác thải của Cửa hàng để riêng và lưu giữ vào thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn chất thải nguy hại trong kho chứa CTNH. Chi nhánh ký hợp đồng số 10081/2023/HĐKT/ETC với Công cổ phần Dầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC (địa chỉ: đường D1 (M2+M3), khu công nghiệp Hòa Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam định) thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH cho toàn bộ các cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu trực thuộc Chi nhánh (có hợp đồng và biên bản bàn giao tháng 10/2023 kèm theo)

+ Khu vực tập kết chất thải nguy hại dự kiến được bố trí tại phòng thu gom rác tập trung tại khu chứa rác thải của Cửa hàng, diện tích khoảng 4 m². Kho được xây tường ngăn chống tràn, mái bê tông cốt thép; có biển cảnh báo, ghi mã CTNH.

+ Tần suất thu gom chất thải từ nơi phát sinh về phòng lưu giữ chất thải tại nơi lưu giữ chất thải: 01 (một) lần/ngày.

Căn cứ Phụ lục II Thông tư 02/2022/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022, mã chất thải nguy hại phát sinh tại Cửa hàng được xác định như sau:

Bảng 16. Danh sách chất thải nguy hại dự kiến phát sinh thường xuyên

TT	Mã chất thải nguy hại	Tên chất thải/dung tích chứa	Đơn vị tính	Khối lượng dự tính	Phương pháp xử lý
1	18 02 01	Giẻ lau, găng tay giẻ nhiễm dầu/thùng 60 L, chất liệu Composite có nắp đậy	Kg	4,5 Kg/tháng	Đồng xử lý trong lò xi măng
2	17 02 04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải/phuy 200 L, chất liệu tôn có nắp đậy	Kg	8 Kg/tháng	(QCVN 41:2011/ BTNMT)
3	18 01 03	Bao bì cứng thải bằng nhựa/thùng 60 L, chất liệu tôn có nắp đậy	Kg	3 Kg/tháng	
4	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải/thùng 60 L, chất liệu Composite có nắp đậy	Kg	0,5 Kg/tháng	Xử lý bằng thiết bị xử lý bóng đèn huỳnh

TT	Mã chất thải nguy hại	Tên chất thải/dung tích chứa	Đơn vị tính	Khối lượng dự tính	Phương pháp xử lý
					quang
Tổng cộng			Kg	16 Kg/tháng	

Như vậy, tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cửa hàng 16 Kg/tháng, tương đương khoảng 192 Kg/năm. **Chất thải nguy hại phát sinh được lưu giữ tạm thời; báo cáo định kỳ với cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.**

Chất thải rắn thông thường

- Các chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đựng trong thùng, cửa hàng bố trí các thùng tại các các phòng với dung tích 20 lít.

- Chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế: Được thu gom đựng trong thùng có dung tích 20 lít.

- Công tác thu gom chất thải:

+ Khu vực tập kết chất thải rắn thông thường dự kiến được bố trí tại phòng thu gom rác tập trung tại khu chứa rác thải của Cửa hàng, diện tích khoảng 5 m².

+ Tần suất thu gom chất thải từ nơi phát sinh về phòng lưu giữ chất thải tại nơi lưu giữ chất thải: 01 (một) lần/ngày

- Tuân thủ quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Điều 33 và Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện ô tô, xe máy ra vào cửa hàng chỉ chiếm một phần rất nhỏ, hoạt động này diễn ra rải rác trong ngày, và không gây ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của cửa hàng.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi Dự án đi vào vận hành:

2.5.1. Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn:

Khi đi vào hoạt động, toàn bộ nước mưa ở phần mái **che** của Cửa hàng sẽ được thu gom vào mạng lưới thoát nước mưa của khu vực Dự án. Để đảm bảo nước mưa chảy tràn không gây ô nhiễm hay ngập lụt tới khu vực Dự án, Chủ Dự án sẽ thực hiện theo các biện pháp sau:

- Tuân thủ đúng giải pháp thoát nước và thiết kế cơ sở đã được duyệt;
- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải sẽ được tách riêng hoàn toàn.

2.5.2. Sự cố rò rỉ, cháy nổ:

* Các nguyên nhân xảy ra cháy nổ có thể gây bởi nhiều nguyên nhân khác nhau:

- Chập điện do điều kiện thời tiết bất lợi.
- Sử dụng các thiết bị điện không đảm bảo công suất, vượt quá khả năng chịu tải.
- Do hệ thống điện không được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.
- Do sét đánh.

Nguồn nhiệt ở đây có thể do các nguyên nhân khác nhau tạo ra như từ hệ thống điện, do tàn thuốc lá. Khi cháy, các vật liệu cháy trong Cửa hàng có thể làm cho đám cháy phát triển rất nhanh sang khu vực lân cận. Vì Cửa hàng tập trung nhiều máy móc, người và tài sản, đặc biệt là xăng nhiên liệu dễ cháy, **nên việc phòng cháy chữa cháy ban đầu cần phải rất nhanh để dập tắt đám cháy mới phát sinh**, nếu không thì mức thiệt hại về người và tài sản do đám cháy gây ra là rất lớn.

*Các thiệt hại và ảnh hưởng nếu xảy ra sự cố cháy nổ như sau:

Thiệt hại tới sinh mạng con người: Con người là tài sản quý giá nhất, vì thế thiệt hại sinh mạng con người sẽ dẫn đến rất nhiều các tác động về mọi mặt kinh tế, xã hội. Việc phòng ngừa thiệt hại về người là cần thiết số 1.

Thiệt hại về của cải: Không có vụ cháy nào không gây thiệt hại về tài sản. Khi công trình bị cháy, nhẹ nhất là phải sửa chữa lại, nặng thì phải làm lại từ đầu. Do đó tốn kém nhìn thấy được trước hết là phí tổn cho công tác sửa chữa, xây dựng. Thứ hai, đó là tổn thất về tài sản của người ở trong công trình, gồm đồ dùng, các tài sản công cộng như mạng đường điện thoại, điện lưới, các hệ đường cấp nước, thoát nước, các khu vực công cộng,...

Ảnh hưởng tới môi trường: Ảnh hưởng trực tiếp của các đám cháy là khói bụi, ảnh hưởng gián tiếp là nước thải do công tác chữa cháy. Nước thải mang theo các hoá chất do quá trình cháy, hoá chất lưu giữ trong công trình, ngoài ra còn mang theo tro bụi, đất cát. Nước được chảy tràn xuống kênh mương, hồ gây ô nhiễm nguồn các nguồn nước. Trường hợp như thế này được gọi là ô nhiễm sự cố. Các ảnh hưởng này có thể ngắn hạn. Đó là các ô nhiễm do khói bụi của đám cháy, sự bắn thối, đổ nát của công trình. Sau khi dọn dẹp xong là tạm ổn nhưng ảnh hưởng của nước thải gây ra có thể sẽ lâu dài, nếu đám cháy lớn và lượng nước tiêu thụ nhiều. Do vậy cần có các biện pháp đề phòng, ngăn giữ nước do cứu hoả thải ra.

***Các biện pháp ứng phó rò rỉ xăng dầu, cháy nổ:**

- CBCNV cửa hàng được học tập quy trình vận hành máy móc thiết bị, BVMT, PCCC&CNCH;

- Có quy trình xuất nhập xăng dầu, vận hành máy móc thiết bị;

- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị kỹ thuật (khi giao ca bán hàng, định kỳ của Chi nhánh); máy móc, thiết bị điện; bể chứa, cột bơm xăng dầu được kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành; vệ sinh công nghiệp khu vực cửa hàng;

- Cửa hàng có các Phương án được phê duyệt: Phương án PCCC & CNCH, Kế hoạch UPSCTD;

***Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố giao thông:**

Cửa hàng vạch tuyến cho phương tiện vào mua xăng dầu, yêu cầu tắt máy khi bơm rót xăng dầu, hướng dẫn lái xe chấp hành các quy định về PCCC khi mua xăng dầu.

2.5.3. Ứng phó sự cố tràn dầu:

Sự cố tràn dầu vào môi trường nói chung là một rủi ro vốn có trong các hoạt động vận chuyển và sử dụng dầu do kỹ thuật vận chuyển; đường ống, thiết bị dẫn, chứa dầu. Sự cố tràn dầu ảnh hưởng nhiều mặt đến môi trường và phải có thời gian dài môi trường mới có thể phục hồi nếu không có sự phòng ngừa và ứng cứu kịp thời của các cơ quan đơn vị, các cấp chính quyền. Đặc biệt, đối với Cửa hàng bán lẻ xăng dầu nằm trong các khu dân cư đông đúc, việc lập KHUPSCTD càng cần phải được chú trọng, xây dựng một cách chi tiết để sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống xảy ra đảm bảo an toàn cũng như giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến môi trường sống của các khu vực lân cận và người dân.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu

Cửa hàng không sản xuất, chế biến bất kỳ sản phẩm xăng/dầu nào. Quy trình hoạt động tại Cửa hàng bao gồm:

- Kinh doanh xăng dầu: Bao gồm kinh doanh Dầu DO, xăng RON 95, xăng E5 RON 92. Quy trình kinh doanh của Cửa hàng chỉ có nhập xăng/dầu vào các bể chứa để lưu trữ và xuất bán hàng cho khách hàng qua các cột bơm. Việc nhập xăng dầu vào các bể chứa được thực hiện bằng hệ thống nhập kín, xăng/dầu từ các xe vận chuyển tự chảy vào bể chứa bằng ống mềm. Việc xuất được thực hiện bằng hệ thống bơm xuất từ bể chứa qua cột bơm đến phương tiện chứa đựng của khách hàng. Hoạt động nhập nhiên liệu từ xe xitec và xuất nhiên liệu qua cột bơm tại Cửa hàng được diễn ra thường xuyên, hàng ngày với sản lượng xuất bán hàng trung bình tháng là $200m^3$ /tháng (tương đương với lượng hàng nhập khoảng $200m^3$ /tháng).

Kinh doanh dầu nhớt: Việc kinh doanh dầu nhớt tại Cửa hàng bao gồm hoạt động nhập dầu nhớt dạng can, thùng dung tích 0,8 lít, 5 lít, 18 lít...và xuất bán cho khách hàng **dưới dạng hàng đóng gói sẵn theo định lượng.**

Các đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu

Từ quy trình kinh doanh của Cửa hàng, chúng tôi dự báo các đối tượng, vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu trong phạm vi của Cửa hàng gồm:

- Khu vực các bể chứa xăng/dầu: Sự cố thể xảy ra gồm tràn dầu tại vị trí hồ ga cổ bể trong quá trình nhập hàng; nứt/vỡ, rò rỉ bể chứa;

- Khu vực cột bơm và đường ống mềm từ cột bơm đến vòi bơm: Tràn dầu từ ống mềm nối cột bơm đến vòi bơm;

- Khu vực bán hàng: Tràn dầu từ vòi bơm do công nhân kỹ thuật vận hành sai quy trình bán hàng;

- Khu vực xe xitec vận chuyển xăng dầu đến nạp vào bể chứa: Tràn dầu tại vị trí ống xả của xe xitec; bụi đường ống nhập từ xe xitec đến bể chứa; tràn dầu do đầu cupling hoặc đầu chuyển đổi của họng xuất và nhập bị tuột;

- Hệ thống đường ống công nghệ (Đặt ngầm nối từ bể chứa đến cột bơm): **Tràn dầu do thùng gây rò rỉ xăng dầu trong đường ống dẫn từ bể chứa đến cột bơm;**

- Khu vực kho chứa: Tràn đổ xăng dầu từ các thùng chứa trong kho chứa

CTNH;

- Khu vực kinh doanh dầu nhớt: Tràn đổ dầu nhớt tại khu vực bán dầu nhớt;

- Ngoài ra còn có các sự cố do: Các sự cố do phá hoại, thiên tai, sự cố do va chạm giữa các phương tiện vào khu vực cột bơm...

Bảng 17. Sự cố và biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu

TT	Các nguy cơ sự cố	Loại sự cố có thể xảy ra	Khái quát nguyên nhân	Khối lượng xăng dầu tràn tối đa	Trang thiết bị ứng phó sử dụng
1	Nhập xăng/dầu từ xe xitec vào bể chứa (Cơ sở tự ứng phó)	+ Bục đường ống nhập từ xe xitec đến bể chứa; + Đầu cupling hoặc đầu chuyển đổi của họng xuất và nhập bị tuột.	+ Ống nhập, van không đảm bảo chất lượng do hao mòn, tác động ngoại lực. + Thao tác lắp họng xuất, nhập không chắc chắn, chính xác hoặc bị hỏng hóc.	Thời gian nạp 10 m ³ nhiên liệu vào bồn chứa là 1h. Khi nhập hàng luôn có 02 cán bộ phụ trách xuất nhập. Thời gian phát hiện và xử lý khi xảy ra sự cố khoảng 10 giây tương đương với lượng dầu tràn khoảng 30 lít.	Thùng phuy chứa dầu thu hồi; cát, chăn chiên ngăn chặn dầu tràn; bình cứu hỏa sẵn sàng chữa cháy (nếu có); giẻ lau để làm sạch bề mặt, thùng chứa CTNH...
2	Khu vực Bể chứa (Cơ sở tự ứng phó)	Tràn dầu tại hố ga cổ bể	Không kiểm soát khối lượng dầu khi nhập, hỏng nắp chắn ở miệng bể trong quá trình nhập; Các mối hàn, nối bị hư hỏng theo thời gian dẫn đến rò rỉ, tràn xăng/dầu.	Thời gian nạp 10 m ³ nhiên liệu vào bồn chứa là 1h. Khi nhập hàng luôn có 02 cán bộ phụ trách xuất nhập. Thời gian phát hiện và xử lý khi xảy ra sự cố khoảng 10 giây tương đương với lượng dầu tràn khoảng 30 lít.	Thùng phuy chứa dầu thu hồi; cát, chăn chiên ngăn chặn dầu tràn; bình cứu hỏa sẵn sàng chữa cháy (nếu có); giẻ lau để làm sạch bề mặt, thùng chứa CTNH ...
3	Khu vực Bể chứa (Cần sự phối hợp với các lực lượng khác)	Nứt, vỡ bể chứa	Do động đất, thiên tai làm nứt, vỡ 1 hoặc nhiều bể chứa	Toàn bộ xăng dầu trong các bể chứa 60 m ³	Thùng phuy; chăn chiên ngăn chặn dầu tràn; bình cứu hỏa sẵn sàng chữa cháy (nếu có); giẻ lau để làm sạch bề mặt, thùng chứa CTNH tại Cửa hàng và trang thiết bị của đơn vị hỗ trợ

TT	Các nguy cơ sự cố	Loại sự cố có thể xảy ra	Khái quát nguyên nhân	Khối lượng xăng dầu tràn tối đa	Trang thiết bị ứng phó sử dụng
4	Khu vực cột bơm (Cơ sở tự ứng phó)	Bục, rò rỉ đường ống xuất từ cột bơm đến vòi bơm	Ống xuất, van chặn, đầu kết nối không đảm bảo chất lượng do hao mòn, tác động ngoại lực.	Công suất vòi bơm tại Cửa hàng lớn nhất là $Q = 70 \text{ L/phút}$, trong quá trình bơm luôn có nhân viên theo dõi và kiểm soát, nên thời gian từ khi phát hiện sự cố đến khi ngắt bơm tối đa 5 giây, lượng dầu tràn 6 L.	Cát, chăn chiên ngăn chặn dầu tràn; bình cứu hỏa sẵn sàng chữa cháy (nếu có); giẻ lau để làm sạch bề mặt, thùng chứa CTNH ...
5	Khu vực bán hàng (Cơ sở tự ứng phó)	Xăng/dầu phun trào từ vòi bơm ra khu vực bán hàng	Do công nhân vận hành thao tác không đúng kỹ thuật trong quá trình bơm xăng dầu	Thời gian xảy ra và xử lý sự cố khoảng 3 giây tương đương với lượng dầu tràn khoảng 3 lít.	Cát, chăn chiên ngăn chặn dầu tràn; bình cứu hỏa sẵn sàng chữa cháy (nếu có); giẻ lau để làm sạch bề mặt, thùng chứa CTNH ...
6	Khu vực kho chứa (Cơ sở tự ứng phó)	Rò rỉ, tràn đổ xăng dầu từ các thùng chứa trong kho chứa CTNH	Do lỗi của công nhân hoặc do lực tác động từ bên ngoài	Lượng dầu tràn lớn nhất trong kho chứa khoảng 100 lít.	Cát, chăn chiên ngăn chặn dầu tràn; bình cứu hỏa sẵn sàng chữa cháy (nếu có); giẻ lau để làm sạch bề mặt, thùng chứa CTNH ...
7	Khu vực bán dầu nhớt (Cơ sở tự ứng phó)	Rò rỉ, tràn đổ nhớt từ các can, thùng	Do lỗi của công nhân khi thao tác hoặc do lực tác động từ bên ngoài	Lượng nhớt tràn từ 0,8-18 lít.	Cát, chăn chiên ngăn chặn dầu tràn; bình cứu hỏa sẵn sàng chữa cháy (nếu có); giẻ lau để làm sạch bề mặt, thùng chứa CTNH ...

Bảng 18. Trang thiết bị, vật tư UPSCTD

Stt	Trang thiết bị, vật tư	Công dụng	Thông số/ Đặc tính	Số lượng	Vị trí	Hình ảnh minh họa
1	Chăn chiên thấm dầu, chữa cháy	Thấm dầu tràn ra khu vực Cửa hàng, chữa cháy	Diện tích 2 m ²	10	Khu vực cột bơm, bể chứa, kho chứa CTNH	
2	Thùng rác/phuy tôn có nắp đậy	Chứa chất thải nguy hại	- 04 Thùng chứa loại 60/200 lít bằng nhựa/tôn;	04	Kho chứa CTNH (trong kho dụng cụ)	
3	Thùng phuy chứa dầu thu hồi khi có sự cố	Chứa dầu thu hồi khi xảy ra sự cố	- Dung tích 200 lít - Chất liệu sắt	02	Kho chứa CTNH (trong kho dụng cụ)	
4	Ủng chữa cháy	Tham gia chữa cháy	Cao su, chống cháy	03 đôi	Kho dụng cụ	
5	Giấy thấm dầu	Thu hồi dầu tràn	Hộp	01	Kho dụng cụ	

Các trang thiết bị, vật tư UPSCTD của cơ sở thường xuyên được kiểm tra, do đó các thiết bị, vật tư này hoạt động rất tốt; luôn sẵn sàng phục vụ công tác ứng phó.

Yêu cầu đối với vật tư UPSCTD:

Các vật tư thấm hút dầu phải đảm bảo chống tĩnh điện nhằm phòng ngừa cháy nổ.



Có tính đa dụng, sử dụng cho nhiều tình huống sự cố khác nhau, đồng thời có tính cơ động cao để có thể nhanh chóng huy động.

Dễ vận hành, sử dụng, phù hợp với lực lượng kiêm nhiệm.

Trang thiết bị, vật tư UPSCTD cần được bảo quản và đảm bảo sẵn sàng ngay tại Cửa hàng để có thể kịp thời huy động, triển khai khi có sự cố xảy ra.

Cần thường xuyên cập nhật các thông tin tiên bộ khoa học kỹ thuật trong nước cũng như trên thế giới để điều chỉnh số lượng, chủng loại vật tư, trang thiết bị UPSCTD phù hợp và hiệu quả nhất.

Bảng 19. Công trình và trang thiết bị PCCC, báo động sự cố

TT	Tên trang thiết bị	Thông số KT	Số lượng	Vị trí	Hình ảnh
1	Bình chữa cháy MFT35	- Chất chữa cháy: Bột ABC; - Phạm vi phun: >8m; - Nhiệt độ hoạt động: 10°C - 55°C	02	Khu vực bể chứa, cột bơm	
2	Bình chữa cháy MFZ8, MT5	- Sức chứa (kg): 8 ± 0.16 - Hiệu quả phun (s): ≥ 12 - Phạm vi phun (m): ≥ 5 - Nhiệt độ hoạt động: 20°C ~55°C	16	Cột bơm (8 bình), khu vực bể chứa (2 bình) + khu vực nhập hàng (2 bình), phòng trung bày + bán hàng (2 bình), khu vực nhà kho (1 bình), văn phòng (1 bình).	
3	Nước chữa cháy	Téc inox	1 m ³	Bể chứa trong khu vực cửa hàng	
4	Dụng cụ y tế	Bộ dụng cụ	01 bộ	Phòng bán hàng	

-Kế hoạch đầu tư trang thiết bị và công trình ứng phó sự cố tràn dầu.

-Các công trình, vật tư, trang thiết bị phục vụ cho công tác ứng phó sự cố tràn dầu hiện tại của Cửa hàng đã đảm bảo khắc phục sự cố tràn dầu ở mức nhỏ có thể xảy ra.

-Định kỳ hàng năm, Cửa hàng sẽ tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng trang thiết bị vật tư UPSCTD để có kế hoạch mua sắm bổ sung hợp lý khi trang thiết bị, vật tư UPSCTD bị hao hụt về số lượng để đáp ứng khả năng ứng phó tại chỗ.

-Nhân lực tham gia ứng phó sự cố tràn dầu.

-Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu.

-Chức năng của Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu gồm:

Xây dựng và đề xuất Giám đốc chi nhánh ban hành các nội quy, quy định và kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trong chi nhánh; Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các văn bản quản lý, các nội quy, quy định, quy trình, quy phạm của Nhà nước, Bộ, Tập đoàn và Công ty về công tác ứng phó sự cố tràn dầu; Tăng cường các điều kiện, biện pháp phòng ngừa, phát hiện các dấu hiệu có thể xảy ra sự cố và xử lý kịp thời để đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố tràn dầu trong đơn vị. Lập và quản lý hồ sơ ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn Luật của Nhà nước, Bộ Công Thương, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Công ty và các cơ quan chức năng về công tác ứng phó sự cố tràn dầu; Xây dựng kế hoạch đào tạo kiến thức về ứng phó sự cố tràn dầu.

Xây dựng kế hoạch huấn luyện, kiểm tra công tác ứng phó sự cố tràn dầu. Tổ chức kiểm tra các Cửa hàng thực hiện các quy trình, quy phạm, nội quy, quy định về quản lý, bảo quản xăng dầu. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn sự cố tràn dầu và xử lý các vi phạm về ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu. Tổ chức khắc phục kịp thời các thiếu sót vi phạm quy định về sự cố tràn dầu.

Xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị cho công tác ứng phó sự cố tràn dầu. Chỉ đạo các Cửa hàng xây dựng và triển khai luyện tập chuyên môn về ứng phó sự cố tràn dầu, giải quyết khắc phục hậu quả do sự cố tràn dầu gây ra.

Thống kê, báo cáo công tác ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường theo quy định.

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc ứng phó sự cố tràn dầu.

Tổ chức tham gia các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.5.4. Ứng phó sự cố bục téc bể dầu ngầm:

Hàng ngày, chủ dự án sẽ bố trí nhân viên chịu trách nhiệm kiểm tra mức độ hao hụt của bể téc chứa dầu ngầm. **Nếu có sự hao hụt bất thường giữa đầu ngày kiểm tra và cuối ngày kiểm tra (đã trừ đi số lượng sản phẩm bán trong ngày và hao hụt xăng dầu theo định mức) quá lớn. Thì phải kịp thời khắc phục theo phương án.**

Chủ cơ sở cần cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn khi có sự cố liên quan đến bục téc bể dầu ngầm.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

Các công trình xử lý chất thải sau sẽ được lắp đặt, sử dụng trong giai đoạn vận hành được trình bày dưới đây:

Bảng 20. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
Giải phóng mặt bằng	Tháo dỡ các hạng mục cũ	Phát sinh bụi, ồn, độ rung; chất thải	<p>-Che chắn kín khu vực dự án bằng bạt PE.</p> <p>-Giảm thiểu bụi bằng cách tưới nước.</p> <p>-Giảm thiểu tiếng ồn bằng cách sử dụng các loại máy móc thiết bị hiện đại; không sử dụng máy móc vào giờ nghỉ.</p> <p>- Thu gom, lưu giữ, chuyên giao chất thải theo quy định</p>	Thực hiện xong sau 3 ngày kể từ khi khởi công	Nhà thầu mua thanh lý tài sản, ĐVCQ kiểm tra giám sát theo hợp đồng, phương án tháo dỡ. Đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và tài sản; CTNH được ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực vận chuyên, xử lý
Thi công	Sử dụng các máy móc thiết bị, con người, nguyên vật liệu, trong hoạt động thi công	Phát sinh bụi, ồn, độ rung; phát sinh chất thải	<p>-Che chắn kín khu vực dự án bằng bạt PE.</p> <p>-Giảm thiểu bụi bằng cách tưới nước.</p> <p>-Giảm thiểu tiếng ồn bằng cách sử dụng các loại máy móc thiết bị hiện đại; không sử dụng máy móc vào giờ nghỉ.</p> <p>- Thu gom,</p>	Thực hiện xong sau khoảng 4 tháng kể từ khi giải phóng mặt bằng	<p>Nhà thầu xây lắp thực hiện, ĐVCQ kiểm tra giám sát theo hợp đồng, có phương án an toàn PCCC, BVMT. Đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và tài sản; CTNH được thu gom, chuyên giao cho đơn vị có đủ năng lực vận chuyên, xử lý theo hợp đồng;</p> <p>Tổng chi phí dự toán xây dựng công trình và lắp đặt thiết bị khoảng 4 tỷ VNĐ</p>

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
			<p>lưu giữ, chuyên giao chất thải theo quy định</p>		
<p>Vận hành</p>	<p>Các hoạt động sinh hoạt, văn phòng, hoạt động nhập dầu</p>	<p>Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn có nhiễm xăng dầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt - Sử dụng bể lắng gạn dầu để thu gom nước mưa có nhiễm dầu 	<p>Trong suốt giai đoạn vận hành</p>	<p>Chủ dự án</p>
		<p>Phát sinh chất rắn sinh hoạt và CTNH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí 4 thùng đựng rác sinh hoạt - Sử dụng kho chứa CTNH theo đúng quy định - Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển chất thải tới khu xử lý 		
		<p>Khí thải phát sinh trong quá trình xuất, nhập hàng (xăng, dầu)</p>	<p>Sử dụng công nghệ thu hồi hơi tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong quá trình nhập, xuất hàng</p>		

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
	Hoạt động ra vào cửa hàng xăng dầu	Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn Gia tăng mật độ tham gia giao thông ra vào cửa hàng xăng dầu	- Lắp đặt hệ thống hướng dẫn biển báo giao thông tại đường vào và ra cửa cửa hàng xăng dầu	Trong suốt giai đoạn vận hành	Chủ dự án

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục:

Cở sở **không** thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

3.3. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn **thi công, hoạt động**.

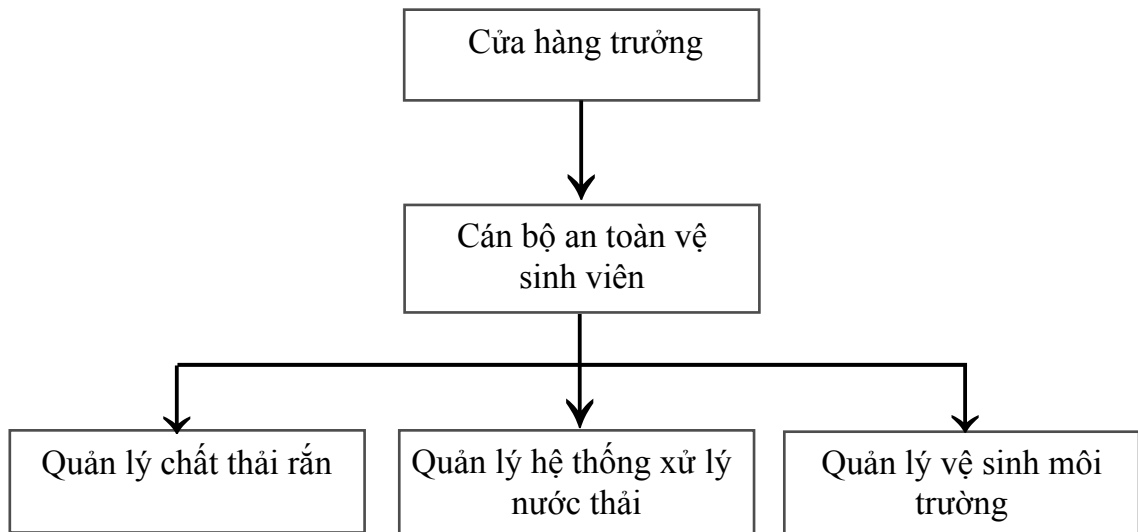
3.1.1 Giai đoạn thi công:

- Cán bộ giám sát thi công, an toàn PCCC&CNCH thực hiện vận hành các công trình và biện pháp BVMT.
- Thu gom, phân định phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải phát sinh trong suốt quá trình thi công theo quy định.

3.1.2 Giai đoạn hoạt động:

Đề Cửa hàng hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của người mua hàng và xã hội, đồng thời để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường luôn được đảm bảo, cảnh quan và môi trường luôn xanh – sạch – đẹp. Cửa hàng cần có kế hoạch lựa chọn và bố trí đội ngũ cán bộ đúng chuyên môn và có đủ năng lực đáp ứng với yêu cầu công việc của Cửa hàng. Ngoài ra đối với các cán bộ quản lý của Cửa hàng yêu cầu có đủ năng lực, kinh nghiệm thực tế để có thể giải quyết và xử lý nhanh các tình huống sự cố nếu phát sinh trong quá trình hoạt động và bảo vệ môi trường.

Báo cáo kịp thời các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án để có các biện pháp xử lý.



Hình 7. Sơ đồ tổ chức quản lý môi trường

4. Nhận xét mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

4.1. Mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo:

Giấy phép môi trường cho Dự án được lập dựa theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tài liệu thu thập được gồm:

Tài liệu về chất lượng môi trường: Đơn vị quan trắc tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường không khí theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, có tính đặc trưng cho công trình. Các số liệu này đã được sử dụng để đánh giá chất lượng môi trường nền và dự báo sự biến đổi chất lượng môi trường khi có công trình.

Tài liệu về môi trường sinh thái, khí tượng, thủy văn, địa chất, địa hình, đất đai được sử dụng từ nguồn dữ liệu đã có để tổng hợp, phân tích và đánh giá.

Các số liệu, kết quả tính toán, dự báo các tác động trong giai đoạn vận hành của công trình được so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Các tác động được đánh giá khi thực thi Dự án trong các giai đoạn vận hành lần lượt được đánh giá các nguyên nhân gây tác động, nguyên nhân hình thành, tính chất ảnh hưởng, khả năng phát thải, ước tính định lượng,...

4.2. Mức độ tin cậy của các đánh giá:

Độ tin cậy của báo cáo được đánh giá trên các dữ liệu, thông tin, số liệu... cung cấp và tính toán. Khả năng, mức độ tin cậy của đánh giá thể hiện:

- Tính hiện thực và phổ dụng: các ý kiến thu thập thực tế phỏng vấn, điều tra người dân tại khu vực Dự án;

- Tính chính xác, đặc trưng, đồng bộ của số liệu: các số liệu về hiện trạng môi trường nền và thông tin về khu vực Dự án;

- Tính trung thực và chính xác: Phương pháp lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm tuân thủ theo các quy định về lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu trong bộ tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

- Tính tin cậy: So sánh các thông số môi trường với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam.

Các phương pháp sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo này nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của báo cáo là phản ánh được hiện trạng cũng như những tác động chính đến môi trường của Dự án.

Phương pháp thống kê, liệt kê hay nghiên cứu, khảo sát thực địa đã mô tả được hiện trạng môi trường vùng Dự án một cách định lượng. Hệ thống thông tin địa lý cho ta thấy được bức tranh hiện trạng cũng như những tác động tiềm ẩn trong vùng khi thực hiện Dự án.

Tuy nhiên trong phần đánh giá tác động, các kết quả tính toán tải lượng phát thải chỉ có ý nghĩa dự báo do các phương pháp tính toán ở mức độ tổng quát, ước tính theo thống kê, kinh nghiệm và khi áp dụng vào cho Dự án thì chỉ cho kết quả gần đúng.

Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường của Dự án ở từng giai đoạn Dự án, Dự án sẽ tiếp tục xác định cụ thể và chi tiết các tác động xấu, đồng thời sẽ vào áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp các tác động này.

Các phương pháp sử dụng lập giải pháp môi trường Dự án gồm:

- Phương pháp thống kê;
- Phương pháp điều tra, khảo sát và lấy mẫu hiện trường;
- Phương pháp so sánh;

Đánh giá độ tin cậy của phương pháp sử dụng được thể hiện ở Bảng sau:

Bảng 21. Đánh giá độ tin cậy của phương pháp sử dụng

STT	Phương pháp thực hiện ĐTM	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	Cao	Dựa vào số liệu thống kê chính thức của địa phương
2	Phương pháp điều tra khảo sát và lấy mẫu hiện trường	Cao	Thiết bị lấy mẫu mới, hiện đại. Dựa vào phương pháp lấy mẫu theo tiêu chuẩn
3	Phương pháp tổng hợp, so sánh	Trung bình	Tổng hợp các tác động tới môi trường của dự án, để trên cơ sở đề xuất các tác động và phòng ngừa, ứng cố sự cố môi trường

Nhìn chung, các phương pháp trên đã sử dụng để thực hiện Giấy phép môi trường của Dự án. Những phương pháp này đã được giới thiệu trong các nghiên cứu, hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vì vậy, mức độ tin cậy là khá cao. Cụ thể:

A. Chất lượng dữ liệu, tài liệu xây dựng:

Các số liệu phân tích chất lượng không khí: TSP, SO₂, CO₂, CO, tiếng ồn tại khu vực Dự án được tiến hành theo các TCVN, QCVN hiện hành, các thiết bị phân tích hiện đại và do đội ngũ những cán bộ chuyên trách thực hiện nên kết quả đảm bảo độ tin cậy.

Các số liệu về khối lượng thi công các hạng mục công trình của Dự án do Chủ đầu tư Dự án cung cấp theo đúng yêu cầu của Dự án đã được phê duyệt ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

B. Phương pháp thống kê - xử lý số liệu:

Phương pháp này nhằm thu thập và xử lý các số liệu thu thập được từ các tài liệu (Báo cáo Dự án đầu tư,...) và các số liệu khảo sát, quan trắc môi trường tại hiện trường để bước đầu đưa ra các đánh giá sơ bộ các ảnh hưởng của Dự án đến môi trường. Đây là phương pháp nghiên cứu truyền thống, có độ tin cậy cao vì người đánh giá phải có quá trình đi khảo sát thực tế địa bàn và nghiên cứu các tài liệu liên quan, từ đó đưa ra được các đánh giá đầu tiên, giúp cho quá trình đánh giá các tác động về sau.

C. Phương pháp tổng hợp:

Dùng để tổng hợp các số liệu thu thập được, so sánh với QCVN, TCVN. Từ đó đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nền tại khu vực nghiên cứu, dự báo đánh giá và đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động tới môi trường do các hoạt động của Dự án.

Trong quá trình đánh giá khi các phần tính toán tải lượng phát thải lớn hơn so với quy chuẩn quy định, chủ đầu tư sẽ đưa ra các biện pháp kỹ thuật và quản lý để xử lý giảm thiểu tác động và nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn liên quan.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, nhân viên Cửa hàng.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: **0,184m³/ngày.đêm**

- Dòng nước thải: Là dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận.

- Vị trí nước thải sau xử lý: Tọa độ điểm xả nước thải sinh hoạt (theo hệ tọa độ VN 2000): X = 226671153; Y = 52688584.

- Phương thức xả thải: tự chảy;

Nguồn tiếp nhận nước thải: tuyến cống thoát nước nước thải thuộc tuyến đường Quốc lộ 21A, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động vệ sinh toàn bộ cửa hàng.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: **0,368 m³/ngày.đêm**

Dòng nước thải: Là dòng nước thải vệ sinh sân bãi sau khi xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận.

- Vị trí nước thải sau xử lý: Tọa độ điểm xả nước thải sinh hoạt (theo hệ tọa độ VN 2000): X : 226671153; Y : 52688584.

- Phương thức xả thải: tự chảy;

Nguồn tiếp nhận nước thải: tuyến cống thoát nước nước thải thuộc tuyến đường Quốc lộ 21A, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nước mưa chảy tràn tại cửa hàng.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: **0,002 m³/s**

Dòng nước thải: Là dòng nước mưa chảy tràn trên bề mặt cửa hàng, mái che cột bơm và mái nhà cuốn theo xăng dầu thải rơi vãi trên bề mặt cửa hàng, của các phương tiện ra vào mua xăng dầu.

- Vị trí nước thải sau xử lý: Tọa độ điểm xả nước thải sinh hoạt (theo hệ tọa độ VN 2000): X = 226671153; Y = 52688584.

- Phương thức xả thải: tự chảy;

Nguồn tiếp nhận nước thải: tuyến cống thoát nước nước thải thuộc tuyến đường Quốc lộ 21A, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Nước thải sau khi xử lý tại bể tự hoại được xả ra tuyến cống thoát nước nước thải thuộc tuyến đường Quốc lộ 21A, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

+ Chất lượng nước thải sau xử lý đối với nước thải sinh hoạt: - QCVN 14:2008/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu: QCVN 29:2010/BTNMT, Cột B: Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe

Hoạt động súc rửa bồn bể: Cửa hàng không có hoạt động súc rửa bồn bể chứa xăng dầu.

Bảng 22. Giá trị của các chất ô nhiễm theo các dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B
1	pH	-	5-9	5,5 – 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	100	150
3	Nhu cầu oxi hóa học COD	mg/L	-	120
4	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	-	30
5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	50	-
6	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000	-
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4.0	-
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	-
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50	-
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20	-
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	-
12	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	10	-
13	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	-

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Dự án không phát sinh khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Dự án không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư, chủ Dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án đầu tư:

Căn cứ theo khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: **Petrolimex– Cửa hàng 102 thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải** [Do nước thải phát sinh từ Dự án được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến BASTAF và hệ thống khử trùng do đó sẽ không tiến hành vận hành công trình xử lý chất thải của Dự án.].

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục:

- Quan trắc môi trường nước thải:

Căn cứ theo Điều 97 và Phụ lục XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: **Petrolimex– Cửa hàng 102 không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải** [Do Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II và có lưu lượng nước thải <1000m³/ngày (24 giờ)].

2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc môi trường nước thải:

Căn cứ theo Điều 97 và Phụ lục XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: **Petrolimex– Cửa hàng 102 không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải** [Do Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II và có lưu lượng nước thải <500m³/ngày (24 giờ)]. **Tuy nhiên, định kỳ hàng năm Chi nhánh ký hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực thực hiện quan trắc nước thải nhằm phát hiện kịp thời các thông số nước thải sau xử lý vượt ngưỡng, để có biện pháp khắc phục ngay.**

2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động và liên tục nên không phải thực hiện nội dung này.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường:

Bảng 23. Kinh phí quan trắc môi trường định kỳ

STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Nước thải (01 mẫu/đợt) c				
1	pH	mẫu	1	50.000	50.000
2	COD	mẫu	1	244.00	244.00
3	Tổng Dầu mỡ	mẫu	1	612.000	612.000
4	TSS	mẫu	1	160.000	160.000
	Tổng				1.066.000
II	Không khí khu vực phát thải (01 mẫu /đợt)				
1	TSP	mẫu	1	250.000	250.000
2	Tiếng ồn	mẫu	1	108.000	108.000
3	SO ₂	mẫu	1	284.000	284.000
4	CO	mẫu	1	344.000	344.000
5	NO _x	mẫu	1	282.000	282.000
6	C _x H _y	mẫu	1	600.000	600.000
	Tổng				1.868.000

Chi phí trên chưa bao gồm nhân công, bảo quản mẫu, chi phí vận chuyển.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở phân tích đánh giá tác động môi trường của Dự án và xây dựng các phương án khả thi kiểm soát và giảm thiểu tác động tiêu cực do các hoạt động của Dự án, Chủ Dự án đầu tư xin cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Chủ Dự án đầu tư và đơn vị quản lý cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu ở chương 6 của báo cáo.

- Cam kết tuân thủ các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường trong suốt giai đoạn hoạt động của Dự án, bao gồm:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu. Cột B: Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe;

- Chủ Dự án cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND Thị trấn Bình Mỹ, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại: khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; và các quy định về công tác quản lý chất thải và vệ sinh trong phòng, chống dịch bệnh của Bộ Y tế và UBND Thị trấn.

- Chất thải rắn thông thường (bao gồm cả chất thải sinh hoạt) phát sinh trong quá trình vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại: Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Điều 33 và Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường gửi tới UBND huyện Bình Lục để quản lý.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết trang bị đầy đủ và đào tạo công nhân về PCCC&CNCH, an toàn lao động, tạo môi trường làm việc an toàn nhất cho công nhân và các phương tiện ra vào mua xăng dầu; Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế; các Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về ô nhiễm và sự cố môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc thực hiện báo cáo đề xuất giấy phép môi trường và toàn bộ nội dung của giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp./.

PHỤ LỤC

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Công trình: Cải tạo Petrolimex – Cửa hàng 102; đã được Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Việt Nam thẩm định (bao gồm bản vẽ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bản vẽ bể gạn dầu, bản vẽ bể tự hoại,...).
- Hồ sơ PCCC được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH; Xác nhận của UBND thị trấn Bình Mỹ về thu gom, xử lý chất thải thông thường.